

III. MỞ RỘNG VÙNG GIẢI PHÓNG, ĐẨY MẠNH 5 PHONG TRÀO THI ĐUA, GÓP PHẦN VÀO SỰ NGHIỆP GIẢI PHÓNG QUÊ HƯƠNG (1973 – 1975)

Những thắng lợi to lớn của phong trào đấu tranh cách mạng ở cả hai miền Nam - Bắc đã buộc Chính phủ Mỹ phải ký Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam vào ngày 27 tháng 1 năm 1973. Đây là một thắng lợi vẻ vang có ý nghĩa lịch sử, đánh dấu sự thay đổi lớn về so sánh lực lượng có lợi cho ta, tạo ra khả năng hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam.

Sau khi Hiệp định Pari được ký kết, các tầng lớp nhân dân vùng căn cứ đã tổ chức nhiều cuộc hội họp mừng hòa bình, không khí vui tươi, phấn khởi tràn ngập trong mọi nẻo đường, buôn làng, nương rẫy, tạo khí thế thúc đẩy hơn nữa 5 phong trào thi đua, tích cực huy động sức người, sức của phục vụ phía trước.

Tuy bị thất bại nặng nề và phải chấp nhận ký Hiệp định Pari,, nhưng đế quốc Mỹ vẫn ngoan cố bám lấy học thuyết Ních Xon và chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, tiếp tục dùng nguy quyền Sài Gòn làm công cụ hòng thực hiện âm mưu đặt miền Nam dưới ách thống trị của chúng, chia cắt lâu dài nước ta, dùng lực lượng tay sai tiếp tục bình định, lấn chiếm, tạo thành vành đai ngăn tuyến, phân vùng để tiêu diệt lực lượng cách mạng.

Tại Lâm Đồng, địch tập trung củng cố bộ máy kèm không chế quân chúng, đồn quân, bắt lính, liên tiếp vi phạm Hiệp định, chủ yếu là những cuộc hành quân càn quét lấn chiếm, dùng máy bay ném bom và pháo tầm xa bắn phá vùng ta kiểm soát, vùng căn cứ; nhiều lần ném bom ở dốc Đá Mài, dốc Đăng Ra Mít, khu vực sản xuất và nương rẫy nhằm triệt phá hành lang vận tải của ta từ H 50 qua Đạ Tẻh về Bình Thuận và ngược lại. Chúng đẩy mạnh việc ủi phá địa hình và đưa hàng chục ngàn dân từ Bình Long, Phước Long đến ở tại khu vực Tân Rai, Minh Rông và mở rộng lấn chiếm phía Bắc thị xã B'Lao.

Tuy diễn biến tình hình giữa ta và địch có nhiều phức tạp, nhưng sau ngày ký Hiệp định Pari, thế của phong trào đấu tranh cách mạng ở Lâm Đồng vẫn được nâng lên, địa bàn và chỗ đứng của ta vẫn phát triển tốt hơn, lực lượng cách mạng được bồi dưỡng thêm về chất, nhưng nhìn chung thì thế của ta vẫn chưa vững, lực lượng chưa mạnh, chưa chi phối được địch. Riêng về phần địch tuy có bị tiêu hao về lực lượng, nhưng chúng còn đông, chúng còn sử dụng được những tên ác ôn nòng cốt để bám dân và tìm cách giành dân lấn đất với ta bằng nhiều thủ đoạn mới.

Xuất phát từ tình hình cụ thể của địa phương, tháng 3 năm 1973, Tỉnh ủy Lâm Đồng ra Nghị quyết về tình hình và nhiệm vụ công tác sắp đến của tỉnh. Nghị quyết nêu rõ phương hướng nhiệm vụ chung là:

Đẩy mạnh các mặt đấu tranh chính trị, binh vận, quân sự và pháp lý tấn công liên tục đòi địch phải thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định, trước hết là thực hiện ngừng bắn, thực hiện các quyền tự do dân chủ của nhân dân, ngăn chặn, hạn chế và làm thất bại âm mưu mới của địch phá hoại Hiệp định, đồng thời ra sức phát triển lực lượng ta về mọi mặt, làm thay đổi nhanh chóng tương quan lực lượng có lợi cho ta, đẩy lùi địch từng bước, giữ vững hòa bình, không ngừng đưa phong trào cách mạng tiến lên, sẵn sàng đánh bại những hành động liều lĩnh của địch gây ra.

Đối với vùng căn cứ, Nghị quyết xác định: việc xây dựng căn cứ là hết sức quan trọng. Phải làm sao xây dựng căn cứ nối liền với nhau tạo thế hoàn chỉnh và chia cắt địch từng bước. Bảo đảm liên tục tấn công phía trước, bảo vệ vững chắc phía sau, làm chỗ dựa cho hành lang, cho lực lượng phát triển. Tạo sức mạnh vật chất đảm bảo thắng địch trong mọi tình huống. Việc xây dựng căn cứ vừa làm ngọn cờ hiệu triệu cho quần chúng phía trước vừa làm chỗ dựa cho đấu tranh chính trị, đấu tranh pháp lý vững chắc cho nhân dân phía trước bung về ruộng vườn cũ làm ăn.

Xây dựng căn cứ phải kết chặt kinh tế, chính trị và quốc phòng, đưa lên toàn diện 5 phong trào và ba thực lực quân sự, chính trị, kinh tế lớn mạnh, tạo cơ sở cho bước phát triển năm 1974. Về chính trị, tổ chức Đảng phải thực sự mạnh, có khả năng lãnh đạo

toàn diện phong trào của địa phương. Phải có mặt trận đoàn kết nhân dân rộng rãi lấy lực lượng nông dân, thanh niên, phụ nữ làm nòng cốt.

Hướng dẫn du kích sử dụng thành thạo các loại vũ khí thô sơ và huấn luyện, trang bị sử dụng vũ khí hiện đại để đánh địch, bắn máy bay giữ vững căn cứ, bảo đảm sản xuất và đời sống cho nhân dân, phối hợp chặt chẽ giữa du kích với cơ quan và hành lang hình thành thế du kích chiến tranh mạnh mẽ.

Vùng 3 được chọn là vùng trọng điểm chung vừa là của tỉnh, vừa là của Khu, có quan hệ với căn cứ của trên. Do vậy, kế hoạch chỉ tiêu cụ thể cho 2 năm 1973 – 1974 được đề ra trên tất cả các mặt:

Về kinh tế bảo đảm bình quân đầu người trong 1 năm là 300 kg gạo, 100 kg bắp, 400 kg bột mỳ. Nhằm tạo điều kiện cho kế hoạch năm 1974 đạt được chỉ tiêu, nhân dân Vùng 3 đã đẩy mạnh đợt phát động trồng 20 mẫu bắp và 500 ngàn gốc mỳ trong mùa khô 1973 tại khu vực dọc suối Đạ Kho và vùng Con Ó để tiện việc chế biến.

Về chăn nuôi, bảo đảm cung cấp 10 kg thịt cho mỗi đầu người. Phát triển trồng cây ăn quả, lập vườn trồng chuối, bình quân mỗi đầu người trồng 5 cây chuối, đẩy mạnh trồng mía, trồng bông. Thực hiện chủ trương định canh định cư, sản xuất quanh năm, thu hoạch 4 mùa, không ngừng cải thiện đời sống.

Ngoài sự chỉ đạo sản xuất trong vùng dân tộc, còn tích cực vận động cơ sở sản xuất của trại giam ở vùng suối Đa Kho, xây dựng thành đơn vị sản xuất tiên tiến về kỹ thuật, không ngừng nâng cao sản lượng, làm gương tốt cho các buôn dân tộc làm theo. Chỉ tiêu của đơn vị này là bảo đảm một năm bình quân mỗi đầu người có 1 tấn lương thực, 15 kg thịt, cá và một số thực phẩm khác như đậu, mè...

Cùng với những thành tích chiến đấu, lao động sản xuất, xây dựng lực lượng du kích chiến tranh, công tác phát triển đảng và củng cố các đoàn thể sau ngày ký Hiệp định Pari ở Vùng 3 cũng đạt được những kết quả cao, cụ thể là: ở xã Lú Tôn đã phát triển thêm được 2 đảng viên mới, hình thành 3 chi bộ; xã Hợp Vông phát triển thêm 3 đảng viên mới, hình thành 6 chi bộ; xã Xi Nhanh phát triển thêm 3 đảng viên, hình thành 5 chi bộ. Như vậy ở Vùng 3 đã có 14 chi bộ được hình thành; Ban chấp hành Chi đoàn, Hội phụ nữ được củng cố, Ủy ban nhân dân 3 xã cũng được tăng cường về cơ sở vật chất. Nhờ thực hiện tốt phong trào thi đua nên sản xuất phát triển mạnh.

Nhằm tạo cơ sở vật chất, xây dựng hậu phương tại chỗ; khai thác thế mạnh của địa phương, Thường vụ Tỉnh ủy đã cử đồng chí Nguyễn Xuân Du, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh Lâm Đồng về Vùng 3 tổ chức lực lượng xây dựng kinh tế, thành lập đơn vị sản xuất lấy tên là “Công doanh 19/8”. Vùng 3 là nơi có địa hình khá bằng phẳng, đất đai màu mỡ, thuận lợi

cho sản xuất trồng lúa nước và các loại cây lương thực khác. Đặc biệt Vùng 3 là căn cứ kháng chiến được giữ vững. Tháng 3 năm 1973, Ban cán sự Công doanh lâm thời được thành lập, do đồng chí chí Ba Cường làm Giám đốc; đồng chí Tám Tài làm Phó Giám đốc kiêm Bí thư Đảng ủy; sau đó bổ sung đồng chí Lưu Sơn, Phó Giám đốc phụ trách bảo vệ; đồng chí Cựơc, Phó Giám đốc phụ trách thi đua.

Công doanh 19/8 đã chọn địa bàn Đạ Mí, Đạ Hàm, khoanh 1.000 ha đất vùng này làm điểm. Từ tháng 6 đến tháng 10 năm 1973, đã khai phá được 250 ha đất, gieo sạ được 180 ha, đắp đập chặn dòng để lấy nước tưới cho đồng ruộng. Nhân lực lúc này chủ yếu huy động sức mạnh của quân chúng ba xã Vùng 3 làm nòng cốt, đồng thời sử dụng một số hàng binh của địch và lực lượng trong trại cải tạo của tỉnh. Vụ Đông - Xuân 1973 - 1974 thu hoạch được 500 tấn lúa. Trong năm 1974, Công doanh đi vào hoạt động nề nếp, đã sản xuất hàng ngàn tấn lương thực, thực phẩm phục vụ cho chiến dịch tấn công giải phóng B' Lao và giải phóng tỉnh Lâm Đồng.

Trong quá trình sản xuất, xây dựng căn cứ, Vùng 3 luôn trải qua nhiều khó khăn gian khổ, trong điều kiện địch dùng máy bay đánh phá, có lúc phải khai hoang mở rộng diện tích ban đêm. Đến khi thu hoạch là giai đoạn địch thường hay dò thám và bắn phá. Vì vậy ta phải đặt các vọng gác để canh chừng và bắn máy bay bảo đảm an toàn cho công việc thu hoạch.

Song song với việc tăng cường sản xuất lương thực, công tác phát triển y tế, văn hóa giáo dục cũng được Đảng ủy Vùng 3 quan tâm. Trường Văn hóa xây dựng tại Vùng 3 năm 1967 được tiếp tục phát huy. Trạm xá chăm sóc sức khỏe nhân dân, phục vụ chiến trường ngày mỗi hiệu quả. Những nỗ lực to lớn của nhân dân các dân tộc ở Vùng 3 đã từng bước vượt qua khó khăn làm chuyển biến tình hình mọi mặt. Từ năm 1973 trở đi, đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào Vùng 3 được cải thiện, nạn đói, rách, bệnh tật được đẩy lùi, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

Từ cuối năm 1974, tình hình trên các chiến trường có những chuyển biến lớn, xuất hiện khả năng giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Trước tình hình mới, Hội nghị Bộ Chính trị họp từ ngày 30 tháng 9 đến ngày 8 tháng 10 năm 1974 đề ra chủ trương hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ ở miền Nam. Hội nghị quyết định: “động viên lực lượng mọi mặt của cả nước đoàn kết nhất trí triệu người như một, vượt qua mọi khó khăn gian khổ, hy sinh, anh dũng tiến lên với một tinh thần quyết chiến quyết thắng cao”. Hội nghị nhất trí thông qua phương án giải phóng miền Nam trong hai năm 1975 – 1976.

Đầu năm 1975, trên địa bàn Lâm Đồng, quân địch tuy còn đông nhưng hoang mang dao động do nghe tin quân nguy bại trận ở khắp các chiến trường.

Về phía ta, sau hai năm chiến đấu chống lấn chiếm, thi hành Hiệp định Pari, lực lượng được tăng cường, quân ta vẫn giữ vững địa bàn, trong tư thế sẵn sàng chuẩn bị phối hợp với các chiến trường, mở rộng vùng giải phóng tại địa phương, cùng cả nước tiến lên giành toàn thắng.

Ngày 10 tháng 3 năm 1975, Tỉnh ủy Lâm Đồng nhận mệnh lệnh của Quân khu ủy Khu 6 về chuẩn bị mở chiến dịch tiến công B'Lao, giải phóng Lâm Đồng.

Ngày 13 tháng 3 năm 1975, Khu ủy Khu 6 triệu tập Hội nghị tại Cầu Cháy (Tà Lài), đã phân tích, đánh giá rõ tình hình ta, địch trên địa bàn Lâm Đồng và quyết tâm giải phóng B'Lao bằng lực lượng chủ lực Miền, Khu phối hợp với lực lượng vũ trang và bán vũ trang trong địa phương, kết hợp tấn công vũ trang với tấn công chính trị, binh vận, vận động quần chúng nổi dậy giải phóng tỉnh Lâm Đồng.

Để chuẩn bị cho giải phóng B'Lao, tỉnh Lâm Đồng chủ trương khôi phục và mở rộng một số đường giao thông đã có từ trước, đặc biệt là mở rộng và sửa chữa con đường từ Vùng 3 lên dốc Con Ó, đến đồi B'Rá (Lộc Bắc). Theo yêu cầu đến ngày 26 tháng 3 năm 1975 phải bố trí xong trận địa, sẵn sàng chờ lệnh. Trong vòng một tuần lễ, ta đã huy động 100% lao động Vùng 3 cùng đồng bào K1 (Lộc Bắc) hoàn thành con đường dài 12km từ Vùng 3 lên B'Rá, kéo 2 khẩu

pháo 130 ly và hàng trăm quả đạn pháp đến trận địa, kịp phối hợp nổ súng tấn công B'Lao. Một trong những thành quả đầy gian lao vất vả là nhân dân Vùng 3 đã mở con đường hành quân cho lực lượng trung đoàn 141 của Sư đoàn 7 (Quân đoàn 4) hành quân lên dốc Bằng Lăng đến B'Su Bằng Lo ém quân phía Bắc B'Lao, cũng trong hai tuần lễ chuẩn bị cho giải phóng B'Lao, phụ nữ Vùng 3 đã giã xong 1.500 gùi lúa, làm ra hàng chục tấn gạo để tiếp tế cho chiến trường, phục vụ chiến đấu.

Trưa ngày 27 tháng 3 năm 1975, Trung đoàn 209 thuộc Sư đoàn 7 có xe tăng, pháo binh yểm trợ nổ súng đánh chiếm chi khu Đa Huoai. Đúng 4 giờ sáng ngày 28 tháng 3 năm 1975, Trung đoàn 141 cùng các đơn vị pháo binh của Sư đoàn 7 tấn công giải phóng B'Lao, tiếp đó các đơn vị phối hợp chuẩn bị chiến trường đánh địch giải phóng Di Linh.

Hoàn thành nhiệm vụ phục vụ giải phóng B'Lao. Giải phóng Lâm Đồng, hoàn thành nghĩa vụ đối với chiến trường miền Nam, nhân dân Vùng 3 nhanh chóng tập trung mọi nỗ lực xây dựng, củng cố vùng giải phóng. Mặt khác phối hợp với quân và dân cả nước tiến lên giải phóng Sài Gòn, góp phần hoàn thành nhiệm vụ “đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”.

Từ năm 1954 đến 1975 là thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước và giành thắng lợi huy hoàng của

dân tộc ta. Nhân dân ta đã nêu cao lòng yêu nước, và chủ nghĩa anh hùng cách mạng với tinh thần “không có gì quý hơn độc lập tự do”, với lòng tin sắt đá vào thắng lợi cuối cùng. Dưới sự lãnh đạo và quyết tâm chiến lược của Trung ương Đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả nước, quân và dân ta đã từng bước giành được thắng lợi. Trong thắng lợi huy hoàng của cả dân tộc có sự đóng góp to lớn của quân và dân Vùng 3. Từ vùng rừng núi đã trở thành căn cứ quan trọng ở phía Bắc sông Đồng Nai, từ vùng hoang sơ đã trở thành trọng điểm sản xuất lúa, mỳ, bắp phục vụ kháng chiến.

Trải qua bao khó khăn gian khổ, thiếu thốn, quân dân Vùng 3 đã bền lòng khắc phục, kiên trì thực hiện đường lối đấu tranh của Đảng, góp phần đánh bại mọi âm mưu, thủ đoạn thâm độc, xảo quyệt của kẻ thù, từng bước trưởng thành. Hòa chung với phong trào kháng chiến của quân và dân miền Nam, đồng bào 20 buôn dân tộc ít người Vùng 3 đã bền bỉ giữ vững địa bàn, hăng hái tình nguyện phục vụ chiến trường. Sức người, sức của từ Vùng 3 góp phần giải phóng B’Lao, giải phóng toàn tỉnh Lâm Đồng. Vùng 3 đã đi vào lịch sử một vùng đất gian lao mà anh dũng, tên tuổi của những người con núi rừng Đa Tẻ và những chiến công của K’Đạ, K’Mui... mãi mãi là niềm vinh dự, tự hào của người dân Đa Tẻ hôm nay và mai sau.

CHƯƠNG III

ĐẠ TÊH TRONG 40 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN (1975 – 2015)

I. CÙNG CỎ, XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN VÀ TỪNG BƯỚC ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN (1975 – 1985)

Trong những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nhân dân Vùng 3 (gồm 3 xã Xi Nhanh, Lú Tôn, Hợp Vông) đã phải chịu hậu quả nặng nề do chiến tranh để lại. Vì vậy, sau đại thắng mùa Xuân năm 1975 lịch sử, nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của Đảng bộ và chính quyền các cấp là lãnh đạo nhân dân nhanh chóng hàn gắn vết thương chiến tranh, giữ vững an ninh chính trị, phát triển sản xuất, từng bước ổn định đời sống.

Tháng 1 năm 1976, ba xã Xi Nhanh, Lú Tôn, Hợp Vông được sáp nhập thành liên xã, do đồng chí K'Đạ làm Bí thư Đảng ủy, K'Nhú làm Chủ tịch, K'la trưởng ban an ninh, K'Lép làm xã đội trưởng và một số đồng chí khác. Tháng 11 năm 1976, sau cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân, liên xã được đổi tên thành xã Lộc Trung thuộc huyện Bảo Lộc, Ủy ban nhân dân và các đoàn thể của xã tiếp tục được củng cố và hoạt động có hiệu quả.

Để tiến hành cuộc vận động định canh, định cư, đồng bào xã Lộc Trung được bố trí để di chuyển từ

núi cao xuống đồng bằng để lập vườn hộ gia đình và khai hoang làm ruộng nước. Mặt khác, các cấp, các ngành của tỉnh và huyện Bảo Lộc đầu tư, hỗ trợ đồng bào vật liệu xây dựng, để làm nhà, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất, chăn nuôi. Cửa hàng thương nghiệp Vùng 3 đã cung cấp một số mặt hàng thiết yếu như vải, muối, dầu lửa...

Nhờ có sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, sự đầu tư hỗ trợ của các ngành nên đến năm 1986, đời sống của nhân dân từng bước được ổn định, tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội được giữ vững. Một trong những địa phương có phong trào phát triển mạnh là xã Lộc Trung (sau này là thị trấn Đa Tẻ). Năm 1978, xã được Nhà nước tặng Huân chương Lao động hạng 3, năm 1982 được tặng cờ Quyết thắng và cờ luân lưu.

Ngoài việc chăm lo đời sống của đồng bào, tỉnh Lâm Đồng chủ trương củng cố nông trường Hà Giang¹⁹, tạo tiền đề để đón dân các tỉnh khác đến xây dựng vùng kinh tế mới. Sau ngày giải phóng, nông trường có mấy chục cán bộ, chiến sĩ và tiếp nhận thêm 85 tù, hàng binh sau khi ta giải phóng Bảo Lộc, Di Linh về đây để cải tạo lao động và học tập. Thực hiện chủ trương trên, tháng 8 năm 1976, khoảng 80 thanh niên xung phong tham gia làm công nhân xây dựng nông trường Hà Giang. Đến tháng 3/1977, Thành

¹⁹ Sau này gọi là nông trường Hà Lâm. Năm 1982 giải thể và bàn giao cơ sở vật chất cho huyện Đa Huoai.

đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh thành phố Đà Lạt đã đưa một liên đội thanh niên xung phong gồm 156 cán bộ, chiến sĩ tham gia cùng nông trường Hà Giang khai hoang mở rộng diện tích, làm kênh mương thủy lợi, sản xuất lương thực.

Đến cuối năm 1977, nông trường tiếp nhận khoảng 4.200 lao động, chủ yếu là thanh niên của tỉnh Hà Sơn Bình²⁰ vào bổ sung lực lượng, tiếp tục khai hoang đồng ruộng, mở rộng diện tích sản xuất để đáp ứng nhu cầu lương thực của tỉnh Lâm Đồng. Vào thời điểm này, nông trường Hà Lâm có nông trường Bộ, 3 phòng ban, do đồng chí Nguyễn Viên làm Giám đốc, đồng chí Trần Minh Kiều - Phó Giám đốc, đồng chí Nguyễn Tấn Tài - Bí thư Đảng ủy. Tháng 7 năm 1978, lực lượng công nhân nông trường được lệnh bổ sung cho quân đội 500 người, công ty chè 500 người, ngành thủy lợi 500 người. Số còn lại sau khi hoàn thành nghĩa vụ lao động đã bổ sung cho các ngành của tỉnh Lâm Đồng, huyện Đạ Huoai (cũ) hoặc trở về quê.

Nhằm khai thác, sử dụng có hiệu quả tiềm năng đất đai và bố trí chiến lược địa bàn dân cư, Vùng 3 được quy hoạch đón dân các tỉnh đến xây dựng kinh tế mới.

Cùng với lực lượng trên, tháng 12 năm 1977, Thành đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh thành phố Huế đưa một trung đoàn thanh niên xung kích

²⁰ Trước đây là các tỉnh Hà Đông, Sơn Tây, Hòa Bình.

gồm có 12 đại đội với trên 1.200 cán bộ, chiến sĩ do đồng chí Đinh Đức Thiện, cán bộ thành đội làm Trung đoàn trưởng, đồng chí Nguyễn Văn Ngọc, cán bộ Thành đoàn Huế làm Chính trị viên, đồng chí Nguyễn Độc Đạo, cán bộ Ban kinh tế mới thành phố làm Trung đoàn phó. Nhiệm vụ của trung đoàn là khai hoang, mở đường, dựng lán, chuẩn bị vật liệu làm nhà, vận chuyển hàng hóa, lương thực để đón dân vào xây dựng vùng kinh tế mới Hương Lâm (xã Đa Lây, Hương Lâm ngày nay).

Trong những tháng ngày mới đến vùng đất Đa Lây, hầu hết lực lượng thanh niên xung kích chưa quen việc nặng nhọc ở vùng rừng núi trong điều kiện khó khăn, thiếu thốn, bệnh tật. Nhưng với ý chí quyết tâm của tuổi trẻ, trung đoàn đã hoàn thành nhiệm vụ được giao, khai hoang gần 1.000 ha đất canh tác, đón hơn 1.000 hộ vào xây dựng kinh tế mới ở hai xã Đa Lây, Hương Lâm. Tháng 9 năm 1978, trung đoàn trở về Huế, có 64 thanh niên xung kích tình nguyện ở lại lâu dài, phần lớn trở thành cán bộ của các cơ quan ban ngành huyện Đa Lây sau này và hai xã Đa Lây, Hương Lâm. Trong thời gian làm nhiệm vụ ở vùng đất Đa Lây, có 5 đồng chí đã hy sinh, 12 đồng chí được vinh dự đứng trong hàng ngũ của Đảng.

Ngoài lực lượng thanh niên xung kích thành phố Huế, trong những năm 1976 – 1978, đóng dọc sông Đồng Nai làm nhiệm vụ khai hoang, sản xuất lương thực, Đại đội 4 và Đại đội 8 của Trung đoàn đã khai

hoang 200 ha ở xã Đạ Lây để trồng lúa, hoa màu. Cuối năm 1978, các đơn vị rút quân và bàn giao địa bàn lại cho xã Đạ Lây.

Thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội địa bàn phía Nam của tỉnh, ngày 12 tháng 10 năm 1977, Tỉnh ủy Lâm Đồng thành lập Ban cán sự Đảng kinh tế mới Vùng 3²¹ gồm các đồng chí:

- Huỳnh Thanh Phương, Tỉnh ủy viên, Bí thư Tỉnh đoàn, Bí thư.

- Nguyễn Tấn Tài, Bí thư Đảng ủy nông trường Hà Lâm, Phó Bí thư.

- Lương Đầu, ủy viên.

- Trần Hồng Lâm, ủy viên.

- Nguyễn Thanh Tâm, ủy viên.

Cùng thời gian này, Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ra quyết định thành lập Ban kinh tế mới Vùng 3²².

Từ năm 1977 - 1978, các tỉnh Hà Nam Ninh²³, Hà Sơn Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Quảng Ngãi, Bình Định... tổ chức nhiều đợt đưa hàng chục ngàn dân vào xây dựng vùng kinh tế mới tại địa bàn

²¹ Tháng 2 năm 1978, Ban cán sự Đảng và Ban kinh tế mới vùng 3 giải thể.

²² Tháng 2 năm 1978, Ban cán sự Đảng và Ban kinh tế mới vùng 3 giải thể.

²³ Tỉnh Hà Nam Ninh trước đây nay thuộc địa bàn ba tỉnh Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình.

huyện Đạ Huoai (cũ), tạo điều kiện cho việc hình thành huyện Đạ Tẻh sau này.

Nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quản lý địa bàn, ngày 14 tháng 3 năm 1979, Hội đồng Chính phủ ra Quyết định số 116/CP về việc chia huyện Bảo Lộc thành hai huyện Bảo Lộc và Đạ Huoai.

Tháng 6 năm 1979, Tỉnh ủy ra quyết định thành lập Ban cán sự kinh tế mới Vùng 3 do đồng chí Chế Lễ làm Bí thư, đồng chí Đặng Xuân Du làm Trưởng ban. Một số cơ quan ban ngành cũng được hình thành, chuẩn bị điều kiện để thành lập huyện Đạ Huoai.

Đề trực tiếp lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng địa bàn phía Nam của tỉnh, tháng 11 năm 1979, Ban cán sự kinh tế mới Vùng 3 tiến hành đại hội với tên gọi Đại hội Đảng bộ huyện Đạ Huoai lần thứ nhất.

Từ năm 1979 đến năm 1986, Huyện ủy Đạ Huoai tập trung củng cố các xã mới thành lập, từng bước ổn định đời sống nhân dân, lãnh đạo việc khai hoang phục hóa để mở rộng diện tích, đẩy mạnh sản xuất lương thực, giải quyết tình trạng thiếu đói và nhu cầu đi lại, học tập, chữa bệnh của nhân dân.

Trong những năm đầu mới đến lập nghiệp ở vùng quê mới, đời sống của nhân dân gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn, do chưa quen khí hậu nên thường bị đau ốm, nhất là bệnh sốt rét, trong khi đó các xã chưa

có trạm y tế, bệnh viện ở xa. Một số hộ dân quá nghèo không có vốn đầu tư, có người lại chưa quen lao động nông nghiệp hoặc lười biếng, trốn cải tạo lao động. Do vậy, một số người đã chuyển đi nơi khác, nhất là vùng nhiều sốt rét như Đạ Lây, Triệu Hải.

Được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Lâm Đồng và Huyện ủy Đạ Huoai, các cấp, các ngành đã từng bước tháo gỡ khó khăn. Cấp ủy huyện, xã sâu sát, động viên nhân dân bám trụ để từng bước ổn định đời sống. Tích cực khai hoang, mở rộng diện tích sản xuất vùng An Nhơn, Hà Đông, Triệu Hải, Đạ Kho. Làm các công trình thủy lợi Đạ Nha, Thạch Thất, Ứng Hòa (Đạ Kho), Đạ Hàm. Xây dựng trường tiểu học, trạm y tế ở các xã, củng cố và mở rộng đường giao thông xuống xã. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là ngành giáo dục, y tế.

Sau 10 năm xây dựng, các vùng kinh tế mới trên địa bàn Đạ Tẻh đã có nhiều chuyển biến đáng kể. Theo đề nghị của tỉnh Lâm Đồng, ngày 6 tháng 6 năm 1986, Hội đồng Bộ trưởng ra Quyết định số 67/HĐBT về việc chia xã Triệu Hải thành hai xã: Triệu Hải và Quảng Trị. Chia xã Hà Đông thành ba xã: Hà Đông, Mỹ Đức và Quốc Oai. Chia xã Đạ Lây thành hai xã: Đạ Lây và Hương Lâm.

Ngày 6 tháng 6 năm 1986, Hội đồng Bộ trưởng ra Quyết định số 66/HĐBT về việc chia huyện Đạ Huoai thành ba huyện: Đạ Huoai, Đạ Tẻh và Cát Tiên.

Theo quyết định này, huyện Đạ Tẻh có diện tích tự nhiên 47.330 ha, dân số 23.814 người, có 10 đơn vị hành chính là thị trấn Đạ Tẻh và 9 xã: Đạ Kho, Triệu Hải, Quảng Trị, Hà Đông, Mỹ Đức, Quốc Oai, An Nhơn, Đạ Lây, Hương Lâm.

Thực hiện quyết định của Hội đồng Bộ trưởng, ngày 22 tháng 12 năm 1986, Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ra Quyết định số 952/QĐ-UB về việc thành lập Ủy ban nhân dân lâm thời huyện Đạ Tẻh gồm 11 thành viên do ông Nguyễn Thừa Tộ làm quyền Chủ tịch, các ông Trương Văn Sáu, Hoàng Hiền, K'Móp, Nguyễn Đình Phước làm Phó Chủ tịch và ông Lê Viết Trọn làm ủy viên thư ký. Ủy ban nhân dân lâm thời và các ban ngành của huyện chính thức làm việc từ ngày 1 tháng 1 năm 1987.

II. HUYỆN ĐẠ TẺH 30 NĂM HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN (1986 - 2015)

1. Đại hội Đảng bộ huyện Đạ Tẻh – Cát Tiên lần thứ III²⁴ (nhiệm kỳ 1986 - 1988)

Sau khi có Quyết định số 66/HĐBT ngày 6 tháng 6 năm 1986 của Hội đồng Bộ trưởng, ngày 11 tháng 7 năm 1986, Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ra Quyết

²⁴ Từ ngày thành lập đến khi chia tách thành 3 huyện, Đảng bộ huyện Đạ Huoai đã tiến hành hai lần Đại hội. Đại hội Đảng bộ Đạ Tẻh – Cát Tiên lần thứ III cũng được coi là Đại hội lần thứ nhất của Đảng bộ huyện Đạ Tẻh và Đảng bộ huyện Cát Tiên.

định số 466 về việc bố trí nhân sự và kiện toàn bộ máy Ủy ban nhân dân huyện Đa Tễ. Theo quyết định này, 31 đại biểu Hội đồng nhân dân và 8 thành viên Ủy ban nhân dân huyện Đa Huoai (cũ) khóa III tiếp tục thực hiện nhiệm vụ ở huyện Đa Tễ. Đây là giai đoạn quá độ để điều hành và chuẩn bị cho việc hình thành huyện Đa Tễ.

Để chỉ đạo thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm thời kỳ 1985 - 1988 và chuẩn bị nhân sự cho Ban Chấp hành Đảng bộ hai huyện Đa Tễ, Cát Tiên, từ ngày 15 đến ngày 19 tháng 9 năm 1986, Đại hội đại biểu Đảng bộ Đa Tễ – Cát Tiên được tổ chức. Dự đại hội có 124 đại biểu (trong đó có 18 đại biểu người dân tộc thiểu số, 16 đại biểu nữ) của 22 tổ chức cơ sở Đảng. Đại hội xác định 5 mục tiêu lớn về phát triển kinh tế xã hội thời kỳ 1986 - 1988 là:

- Tiếp nhận, nhanh chóng ổn định chỗ ăn chỗ ở cho 1.500 hộ với 7.500 nhân khẩu đến xây dựng kinh tế mới, để cùng 24.000 dân tại chỗ đẩy mạnh sản xuất, phấn đấu đạt 20.000 tấn lương thực quy thóc.

- Mở rộng ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, các thành phần kinh tế là liên doanh liên kết kinh tế để sử dụng hết số lao động nhàn rỗi, khai thác tiềm năng rừng và các năng lực sản xuất sẵn có nhằm tạo ra các mặt hàng phục vụ đời sống nhân dân và xuất khẩu.

- Tạo sự chuyển biến về mặt xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, chăm lo cho đồng bào dân tộc thiểu số ổn định chỗ ở, làm ruộng nước, phát triển kinh tế vườn hộ và nghề làm rừng.

- Tổ chức, chỉ đạo tốt cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân huyện, xã, đưa bộ máy chính quyền vào hoạt động hiệu quả.

- Giữ vững an ninh quốc phòng, tăng cường công tác xây dựng Đảng, đoàn thể.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành mới gồm 59 đồng chí (có 20 ủy viên dự khuyết), Ban Thường vụ có 13 đồng chí do đồng chí Hoàng Thanh làm Bí thư.

Thực hiện Quyết định 68/HĐBT ngày 6 tháng 6 năm 1986 của Hội đồng Bộ trưởng về việc chia tách huyện Đa Huoai thành 3 huyện Đa Huoai, Đa Tễ, Cát Tiên, ngày 27 tháng 11 năm 1986, Tỉnh ủy Lâm Đồng ra Quyết định số 85/QĐNS về việc thành lập Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ hai huyện Đa Tễ, Cát Tiên. Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ huyện Đa Tễ có 27 đồng chí (có 6 đồng chí ủy viên dự khuyết), Ban Thường vụ có 7 đồng chí, do đồng chí Đặng Xuân Du làm Bí thư.

Là một địa bàn mới chia tách, nhưng bộ máy Đảng, chính quyền, đoàn thể từ huyện đến cơ sở đã từng bước ổn định và đi vào hoạt động có nề nếp.

Ngày 3 tháng 1 năm 1987, Ủy ban lâm thời huyện đã họp phiên đầu tiên, xác định những công việc trọng tâm cần chỉ đạo:

- củng cố bộ máy và lãnh đạo các phòng ban.
- củng cố tổ chức của Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và hình thành bộ máy Ủy ban nhân dân các xã mới thành lập.
- Chuẩn bị công tác bầu cử Hội đồng nhân dân huyện, xã, thị trấn (khóa I).
- Chỉ đạo đẩy mạnh sản xuất, giữ vững an ninh quốc phòng và thực hiện tốt công tác đón dân, ổn định đời sống nhân dân các điểm kinh tế mới.

Sau một thời gian chuẩn bị, ngày 19 tháng 4 năm 1987, cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân huyện, thị trấn, xã được tiến hành nghiêm túc và đạt kết quả tốt đẹp. Toàn huyện có 19.000 cử tri đi bỏ phiếu (đạt 99,8%) đã bầu ra 43 đại biểu Hội đồng nhân dân huyện khóa I (nhiệm kỳ 1987 – 1989) và 308 đại biểu Hội đồng nhân dân thị trấn, xã. Ngày 16 tháng 5 năm 1987, kỳ họp thứ nhất Hội đồng nhân dân huyện đã bầu các chức danh của Ủy ban nhân dân huyện. Đồng chí Nguyễn Thừa Tộ được bầu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

Việc củng cố, kiện toàn bộ máy chính quyền các cấp trong huyện đã nâng cao hiệu lực quản lý điều hành, thúc đẩy thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị, kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng ở địa phương.

2. Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đa Tả lần thứ II (nhiệm kỳ 1988 – 1991)

Để đánh giá những thành tựu và tồn tại sau hơn hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ nhất và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ IV, trong hai ngày 28 và 29 tháng 12 năm 1988, Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Đa Tả lần thứ II được tổ chức. Dự Đại hội có 103 đại biểu (trong đó có 12 đại biểu dân tộc thiểu số, 12 đại biểu nữ) của 28 tổ chức cơ sở Đảng. Đại hội đánh giá những kết quả đạt được trên một số lĩnh vực chủ yếu:

Về kinh tế - xã hội

Tổ chức tiếp nhận và từng bước ổn định đời sống cho 12.000 nhân khẩu đến xây dựng kinh tế mới, đưa dân số toàn huyện lên trên 33.000 người.

Sản xuất nông nghiệp: tổng diện tích gieo trồng có 7.000 ha, diện tích đất canh tác hai vụ tăng gấp đôi, diện tích lúa nước tăng gấp 3 lần so với năm 1986. Năng suất lúa bình quân từ 1,5 tấn/ha năm 1986 lên 2 tấn/ha năm 1988. Tổng sản lượng quy thóc đạt 16.000 tấn, bình quân lương thực đầu người 540kg/năm. Kinh tế vườn hộ bước đầu được chú trọng, đã trồng được hơn 10.000 trụ tiêu, trên 100.000 cây điều, cà phê và các loại cây ăn quả khác. Chăn nuôi bước đầu có phát triển, đàn heo có 7.000 con, đàn trâu bò có 2.000 con.

Ngành lâm nghiệp đã khai thác 7.000m³ gỗ tròn, 8.000m³ gỗ tận dụng và hàng vạn Ster củi, tre, nứa làm giấy.

Gắn sản xuất nông nghiệp với lâm nghiệp, huyện đã cơ bản định canh định cư cho 200 hộ đồng bào dân tộc thiểu số thị trấn Đạ Tẻh với 100 ha lúa nước, 30 ha vườn, 40 ha lúa rẫy, 60 ha điều, 12 ha cà phê, giao khoán cho 78 hộ quản lý 1.000 ha rừng. Nhờ áp dụng phương thức nông - lâm kết hợp nên đời sống của đồng bào từng bước được ổn định, thoát khỏi tình trạng tự cung tự cấp.

Sản xuất tiểu thủ công nghiệp và hàng xuất khẩu đã thu hút hàng ngàn lao động, giá trị hàng xuất khẩu đạt 234.000 rúp, đô la.

Về xây dựng cơ bản, vốn đầu tư cơ sở hạ tầng tăng 8 lần so với năm 1986, tỷ trọng đầu tư công nghiệp chiếm 70%. Xây dựng được hai cầu kiên cố, nâng cấp 15km đường, hoàn thành thủy lợi nhỏ ở Thạch Thất, Ứng Hòa, thủy lợi Đạ Hàm với công suất tưới chủ động hai vụ lúa có diện tích 450 ha.

Trên lĩnh vực văn hóa - xã hội, đã xây dựng 9 trường phổ thông cơ sở, 1 trường cấp 2 - 3, công tác xóa mù chữ được triển khai, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân. Mạng lưới y tế đã triển khai đến các xã, hạn chế được các dịch bệnh, nhất là bệnh sốt rét, việc chăm sức khỏe cho nhân dân bước đầu có hiệu quả.

Các hoạt động văn hóa, thông tin, truyền thanh, thể thao ngày càng được quan tâm.

Công tác an ninh quốc phòng được đặc biệt chú trọng, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Tổ chức truy quét, tiêu diệt một toán Fulro, bắt sống 1 tên, gọi ra đầu hàng 2 tên.

Công tác xây dựng Đảng, chính quyền và đoàn thể

Trong nhiệm kỳ 1986 - 1988, Huyện ủy đã thành lập thêm 6 tổ chức cơ sở Đảng, đưa tổng số tổ chức cơ sở Đảng lên 28, trong đó có 3 Đảng bộ cơ sở xã, thị trấn, 7 chi bộ cơ sở xã, 18 chi bộ khối cơ quan. Qua kết quả phân loại, có 4 tổ chức cơ sở Đảng đạt trong sạch vững mạnh, 21 cơ sở khá, 3 cơ sở yếu. Về đảng viên, có 214 đạt loại 1; 230 đạt loại 2 và 33 đảng viên đạt loại 3. Trong nhiệm kỳ đã kết nạp được 65 đảng viên mới, đồng thời kiểm tra xử lý kỷ luật bằng các hình thức đối với 58 đảng viên.

Hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện, xã, thị trấn từng bước đi vào nề nếp, ổn định. Hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân và sự điều hành của Ủy ban nhân dân hai cấp đã mang lại hiệu quả khá, góp phần quan trọng trong việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng ở địa phương.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tiếp tục được kiện toàn, tập hợp được đông đảo hội viên, đoàn viên tham gia.

Mặt trận Tổ quốc đã thực hiện tốt việc tập hợp các lực lượng xã hội, thành lập quỹ phúc lợi, quỹ bảo thọ, vận động nhân dân mua công trái xây dựng Tổ quốc và tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân ba cấp.

Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh với phong trào “Ba xung kích làm chủ tập thể” của thanh niên, “Hành quân theo bước chân những người anh hùng” của thiếu niên, phong trào văn hóa văn nghệ, kế hoạch nhỏ, đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, xung kích trong xây dựng công trình thủy lợi Đa Mí, Đa Hàm, trồng cây dọc các trục đường chính của thị trấn và các xã. Các phong trào trên đã thu hút đông đảo lực lượng thanh thiếu niên tham gia và có ảnh hưởng tốt trong xã hội.

Hội Nông dân đã triển khai thực hiện cơ chế quản lý kinh tế trong nông nghiệp, hướng dẫn nông dân xây dựng kinh tế hộ gia đình và tham gia làm thủy lợi.

Hội Phụ nữ vận động hội viên hưởng ứng phong trào quyên góp ủng hộ các chiến sĩ làm nhiệm vụ ở Trường Sa và làm nghĩa vụ quốc tế, thực hiện cuộc vận động dân số kế hoạch hóa gia đình.

Tổ chức Công đoàn đã đóng vai trò quan trọng thúc đẩy các phong trào thi đua trong công nhân viên chức, thực hiện quyền tự chủ trong các xí nghiệp, vận động công nhân viên chức tham gia phong trào sản

xuất t_u t_uc, phát triển kinh tế để từng bước nâng cao đời sống.

Trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội huyện Đảng bộ lần thứ nhất, bên cạnh những thành tựu đạt được vẫn còn một số mặt tồn tại:

Trong sản xuất nông nghiệp, công tác tuyên truyền về thực hiện quản lý kinh tế theo cơ chế mới chưa được tiến hành sâu rộng nên chưa tạo được khí thế trong cách làm ăn mới. Sự g_án bó của người lao động với mô hình kinh tế tập thể, đất đai đang sử dụng không cao, chưa thực hiện được vai trò làm chủ. Việc đầu tư cải tạo đồng ruộng và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất chưa được chú trọng. Các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất hoạt động kém hiệu quả, một số cán bộ tham nhũng, tiêu cực đã làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước.

Ngành lâm nghiệp chưa làm tốt công tác giao đất, giao rừng. Cơ chế sản phẩm thu từ rừng chưa cởi mở, chưa thu hút được lực lượng lao động nhận quản lý, trồng rừng.

Việc xây dựng cơ sở hạ tầng còn nhiều hạn chế do thiếu vốn, nhất là thiếu phòng học. Đội ngũ giáo viên, cán bộ y tế có trình độ cao, cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ có trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học còn thiếu và chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Năng lực quản lý và trình độ của cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở còn quá yếu. Do đó, việc cụ thể hóa và tổ chức thực hiện Nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước còn nhiều hạn chế. Công tác xây dựng Đảng trên 3 mặt chính trị, tư tưởng, tổ chức chưa đồng bộ. Hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể chưa đi vào chiều sâu.

Trên cơ sở đánh giá những thành tựu và tồn tại yếu kém, Đại hội đã đề ra một số nhiệm vụ trọng tâm nhiệm kỳ 1988 - 1991:

- củng cố, hoàn thiện cơ cấu kinh tế và huy động sức dân cùng Nhà nước xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp và cơ sở hạ tầng, xây dựng nông thôn mới và các trọng điểm kinh tế - kỹ thuật trên địa bàn huyện.

- Tích cực đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp, đồng thời nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh, dịch vụ của các cơ sở tập thể, quốc doanh, làm điểm tựa để phát huy, sử dụng tốt các thành phần kinh tế khác.

- Phát huy mạnh mẽ các thành tựu khoa học kỹ thuật, giải quyết những yêu cầu cơ bản về quy hoạch ngành, quy hoạch dân cư, bảo vệ môi trường sinh thái, điều tra nông hóa thổ nhưỡng, xác định cơ cấu cây trồng, vật nuôi, ngành nghề. Phát huy tác dụng của thủy lợi Đa Hàm, Đa Tẻ một cách có hiệu quả, coi

trọng công tác đào tạo công nhân lành nghề và cán bộ khoa học kỹ thuật theo yêu cầu.

- Thực hiện tốt cuộc vận động dân số kế hoạch hóa gia đình, phân bố lại lao động trên các địa bàn, chấp hành tốt chính sách dân tộc và công tác định canh định cư của Đảng, Nhà nước.

- Đáp ứng các nhu cầu về giáo dục, y tế, văn hóa và bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Những phương hướng, nhiệm vụ trên đây là định hướng cơ bản để Đảng bộ và nhân dân Đa Tẻ tiếp tục phấn đấu, xây dựng huyện nhà ngày càng phát triển vững chắc.

Sau hai ngày làm việc, Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Đa Tẻ lần thứ II đã bầu Ban Chấp hành mới (nhiệm kỳ 1988 – 1991) gồm 35 đồng chí (có 5 đồng chí dự khuyết), Ban Thường vụ có 7 đồng chí do đồng chí Vũ Văn Thả làm Bí thư.

3. Đại hội Đảng bộ huyện Đa Tẻ lần thứ III (nhiệm kỳ 1991 - 1996)

Theo sự chỉ đạo về Kế hoạch Đại hội Đảng bộ các cấp, Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Đa Tẻ lần thứ III được tổ chức làm 2 vòng:

Đại hội vòng 1 tiến hành từ ngày 21 đến ngày 23 tháng 3 năm 1991. Đại hội tập trung thảo luận, góp ý dự thảo các văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng

lần thứ V và bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đảng bộ tỉnh; đồng thời góp ý dự thảo văn kiện trình Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ III, công tác nhân sự đại hội Đảng bộ huyện, xã, thị trấn.

Đại hội vòng 2 được tiến hành ngày 16 đến ngày 19 tháng 10 năm 1991. Dự đại hội có 100 đại biểu của 29 tổ chức cơ sở Đảng. Đại hội đánh giá những thành tựu và tồn tại yếu kém trong hơn hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội huyện Đảng bộ lần thứ II.

Về kinh tế xã hội

- Sản xuất nông nghiệp: diện tích cây công nghiệp dài ngày tăng, hình thành một số vùng chuyên canh cây dâu và nghề nuôi tằm ở Thạch Thất (Đạ Kho), Triệu Hải, Đạ Lây, Quốc Oai, Mỹ Đức. Diện tích cây mía phát triển mạnh ở Quảng Trị, Hà Đông. Cây điều được trồng ở các địa bàn trong huyện. Tốc độ phát triển cây công nghiệp tuy còn chậm do nguồn lực của nhân dân còn hạn chế, nhưng bước đầu đã chứng minh được hiệu quả kinh tế, tăng thu nhập và nâng cao mức sống của nhân dân, là tiền đề phát triển cho những năm sau.

Sản xuất lương thực tuy có giảm do bố trí lại cơ cấu cây trồng, nhưng vẫn phát triển tốt ở các vùng chủ động nguồn nước tưới như Đạ Hàm, Đạ Mí, Thạch Thất, An Nhơn và thị trấn Đạ Tẻh.

- Lâm nghiệp: khai thác hơn 20.000m³ gỗ tròn và nhiều loại lâm sản phụ khác, đóng góp đáng kể cho

nguồn thu ngân sách của huyện và tỉnh. Việc gắn lâm nghiệp với định canh, định cư đã có tác dụng tốt trong quản lý, bảo vệ rừng, tạo lập vườn hộ, ổn định một phần đời sống đồng bào dân tộc thiểu số.

- Sản xuất tiểu thủ công nghiệp có bước phát triển, tạo ra khối lượng hàng hóa ngày càng lớn, nhiều hộ tư nhân đã mạnh dạn bỏ vốn mua sắm phương tiện, xây dựng các cơ sở chế biến để gia tăng năng suất và chất lượng sản phẩm.

- Xây dựng cơ bản: được sự đầu tư của Trung ương và tỉnh, trong một thời gian ngắn đã xây dựng được một số công trình quan trọng như nâng cấp đường đi Quốc Oai, Đa Nha, làm đường nhựa nội thị, xây dựng kênh mương Đa Hàm, hồ Đa Tẻh, bệnh viện, trường học, tiến hành quy hoạch và xây dựng khu trung tâm thị trấn, làm cho bộ mặt của huyện có sự biến đổi căn bản, tạo điều kiện cho sản xuất và đời sống phát triển, nhân dân phấn khởi và yên tâm xây dựng quê hương mới.

Các hoạt động tài chính - tín dụng, phân phối, lưu thông, thu chi ngân sách đã có nhiều tiến bộ, đáp ứng cho sự phát triển của huyện.

Về văn hóa - xã hội

Công tác giáo dục đã cơ bản đủ trường, lớp, nâng cấp được một số phòng học, xóa bỏ tình trạng học ca 3, quan tâm đến vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số. Chất lượng dạy và học, công tác quản lý có chuyển

biến, tỷ lệ học sinh lên lớp, tốt nghiệp các cấp tăng hơn trước, duy trì được trường dân tộc nội trú.

Hoạt động y tế từ huyện đến cơ sở có những tiến bộ đáng kể, thực hiện đạt và vượt chỉ tiêu tiêm chủng mở rộng và các chương trình y tế quốc gia.

Các hoạt động văn hóa, thông tin, truyền thanh đã góp phần tích cực trong việc tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở.

Công tác lao động - thương binh xã hội được chú ý, thực hiện tốt các chế độ đãi ngộ, đối với các đối tượng chính sách.

An ninh quốc phòng

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, mạng lưới an ninh thôn xóm được xây dựng, các vụ việc tiêu cực, vi phạm pháp luật, tệ nạn xã hội giảm nhiều. Lực lượng dân quân tự vệ từng bước được kiện toàn, hàng năm hoàn thành chỉ tiêu giao quân.

Công tác xây dựng Đảng và hoạt động của Mặt trận, đoàn thể

Nét chuyển biến lớn trong nhiệm kỳ này là trình độ, năng lực lãnh đạo của các cấp ủy được nâng lên rõ rệt. Các Nghị quyết của Đảng được triển khai và mang lại hiệu quả thiết thực. Mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền, đoàn thể ngày càng gắn bó, tạo được bầu

không khí cởi mở, chân thành, phê bình và tự phê bình được thực hiện nghiêm túc. Các đảng bộ, chi bộ được củng cố, kiện toàn, vai trò lãnh đạo được phát huy tốt hơn trước. Công tác cán bộ được chú ý đúng mức, bố trí đúng người, đúng việc, tạo sự chuyển biến tốt trong thực thi nhiệm vụ.

Trong nhiệm kỳ đã kết nạp được 21 đảng viên mới, xử lý kỷ luật 76 đảng viên (khiển trách 11, cảnh cáo 11, cách chức 3, khai trừ ra khỏi Đảng 8 và xóa tên 43).

Hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể có nhiều chuyển biến theo tinh thần Nghị quyết 8B của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII) và các Nghị quyết của Tỉnh ủy, Huyện ủy, xây dựng được nhiều phong trào gắn với cơ sở.

- Mặt trận Tổ quốc vận động nhân dân xây dựng nếp sống mới, củng cố các chi hội phụ lão, tổ chức nhiều tổ hòa giải, phát huy quyền làm chủ của nhân dân qua các cuộc tiếp xúc giữa đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân với cử tri.

- Hội Nông dân đã thành lập nhiều chi hội nghề nghiệp, vận động nhân dân trồng dâu nuôi tằm, phát triển chăn nuôi và xây dựng kinh tế gia đình. Phong trào nông dân sản xuất giỏi đã phát huy tính tích cực của nông dân, trên 500 hộ đạt tiêu chuẩn nông dân sản xuất giỏi các cấp. Nhân dân ở các địa phương tham

gia có hiệu quả trong việc xây dựng các công trình thủy lợi, giao thông nông thôn.

- Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phát động phong trào xây dựng chi đoàn cơ sở vững mạnh, chú trọng nâng cao chất lượng và chức năng hoạt động xã hội của đoàn. Hội Liên hiệp thanh niên tập hợp được hàng ngàn hội viên, phát triển 150 đoàn viên, giới thiệu cho Đảng kết nạp 10 đảng viên mới, huy động hơn 7.000 công lao động để xây dựng các công trình thủy lợi, làm mới và tu sửa đường giao thông nông thôn.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, nhiệm kỳ 1989 – 1991 vẫn còn một số tồn tại, yếu kém:

Tình hình sản xuất, đặc biệt là sản xuất lương thực còn phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên, khả năng thâm canh thấp, tình trạng thiếu đói, bệnh tật vẫn còn tồn tại ở những hộ thiếu vốn, thiếu lao động, làm một vụ lúa.

Tiến độ xây dựng hồ thủy lợi Đa Tẻ chậm, ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của một bộ phận nhân dân các xã Hà Đông, Mỹ Đức, Quốc Oai nên nhiều hộ bỏ về quê cũ hoặc đi nơi khác làm ăn, sinh sống. Các xã Đa Lâu, Hương Lâm do khó khăn về đất đai, nguồn nước nên việc phát triển kinh tế còn chậm.

Vấn đề định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn nhiều khó khăn, phức tạp. Tình trạng di dân tự do của đồng bào các tỉnh phía Bắc làm tăng

nhanch dân số, gây khó khăn và làm đảo lộn việc xây dựng kế hoạch của huyện.

Các nguồn lực để phát triển cơ sở hạ tầng, giáo dục, y tế chưa đáp ứng được yêu cầu. Nhiều đơn vị sản xuất kinh doanh gặp khó khăn do thiếu vốn, thiết bị lạc hậu, chưa thích ứng kịp với cơ chế thị trường.

Tình hình trật tự trị an, hoạt động tôn giáo trái phép vẫn còn diễn biến phức tạp.

Trong công tác xây dựng Đảng, việc duy trì sinh hoạt ở các chi bộ chưa đều, phong cách và lề lối làm việc của các cấp ủy cơ sở chậm đổi mới. Một số đảng viên thiếu ý thức rèn luyện, giảm sút ý chí chiến đấu. Công tác phát triển Đảng đạt kết quả thấp làm cho tuổi đời bình quân của đảng viên trong từng đảng bộ khá cao.

Hoạt động của đoàn thể còn lúng túng về nội dung và phương thức. Mạng lưới tổ chức của một số Hội có xu hướng bị thu hẹp, nhiều cơ sở đoàn, hội hoạt động cầm chừng, chất lượng giảm sút.

Sau 3 ngày làm việc, Đại hội đã bầu Ban Chấp hành mới (nhiệm kỳ 1991 – 1996) gồm 27 đồng chí, Ban Thường vụ có 7 đồng chí, do đồng chí Vũ Văn Thả làm Bí thư²⁵.

²⁵ Tháng 8 năm 1994, đồng chí Vũ Văn Thả được điều động về làm Bí thư Huyện ủy Bảo Lâm. Đồng chí Trương Văn Sáu được bầu làm Bí thư Huyện ủy Đạ Tẻh.

4. Đại hội Đảng bộ huyện Đa Tả lần thứ IV (nhiệm kỳ 1996 - 2000)

Sau 10 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và Nghị quyết Đại hội huyện Đảng bộ lần thứ III, huyện Đa Tả đã có nhiều chuyển biến và đạt được những thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực. Để đánh giá một cách toàn diện những thành tựu, tồn tại yếu kém và xác định phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 1996 – 2000, từ ngày 16 đến ngày 18 tháng 3 năm 1996, Đại hội huyện Đảng bộ lần thứ IV được triệu tập. Dự Đại hội có 107 đại biểu (có 8 đại biểu nữ, 11 đại biểu dân tộc) của 29 tổ chức cơ sở Đảng.

Đại hội đánh giá tình hình sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ III trên các lĩnh vực:

Về kinh tế xã hội

- *Sản xuất lương thực* phát triển khá và vững chắc hơn, sản lượng lương thực hàng năm tăng từ 2.000 đến 2.500 tấn. Diện tích lúa nước 2, 3 vụ tăng 1,46 lần so với năm 1991. Cây công nghiệp đa dạng hơn, chiếm tỷ trọng 23%, tăng 1,7 lần so với năm 1990.

Trong giai đoạn này, sản xuất hàng hóa phát triển đa dạng, áp dụng nhiều tiến bộ khoa học kỹ thuật, dùng giống lúa có năng suất cao, thời gian ngắn. Tập quán quảng canh, chạy theo diện tích của nông dân đã

được thay thế bằng tính toán hiệu quả trên từng đơn vị diện tích nên thu nhập càng nâng lên.

Chăn nuôi có chiều hướng tăng nhanh do sự đầu tư của Nhà nước bằng các dự án 120, 327 định canh định cư, xóa đói giảm nghèo và một phần vốn tích lũy của nhân dân. Đến năm 1995, đàn trâu bò tăng 2,25 lần so với năm 1991.

- *Về lâm nghiệp*, coi trọng và thực hiện khá tốt công tác quản lý bảo vệ rừng, phát rừng làm rẫy. Từng bước đầu tư cho nhân dân vùng dự án định canh định cư lập vườn hộ, phủ xanh đất trống đồi núi trọc, giao khoán 7.138 ha rừng để đồng bào dân tộc quản lý, bảo vệ, 29% diện tích rừng phòng hộ đã có người quản lý. Trồng 170 ha điều ở vườn hộ, cho vay vốn để chăn nuôi 230 con bò, đầu tư chiến đấu cơ sở hạ tầng ở vùng dự án định canh định cư, ổn định một bước sản xuất và đời sống của đồng bào dân tộc tại chỗ, hạn chế tối đa tình trạng khai thác lâm sản trái phép.

- *Tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ* thích nghi dần với thị trường, đầu tư vốn, cơ sở vật chất, thiết bị khá hơn, hàng ngàn hộ sắp xếp thời gian nông nhàn để sản xuất hàng tăm nhang, dừa tre. Sản xuất vật liệu xây dựng tăng nhanh, đáp ứng được nhu cầu xây dựng của các cơ quan Nhà nước và nhân dân trong huyện.

- *Xây dựng cơ bản* đã đầu tư được nhiều, tăng gấp 6 - 7 lần, bằng các năm trước cộng lại; công trình thủy lợi Đạ Hàm, Đạ Mí phát huy tác dụng khá tốt,

mặc dù còn thiếu vốn sửa chữa thường xuyên nhưng hàng năm vẫn tưới cho trên 300 ha; thủy lợi Đa Tễ đã cơ bản hoàn thành hệ thống đầu mối, đang thi công hoàn chỉnh hệ thống kênh mương, cầu máng, hàng năm năng lực tưới tăng từ 500 đến 1.000 ha. Công trình điện 35KV Đa Huoai - Đa Tễ và mạng lưới điện 15KV đã đưa điện lưới quốc gia đến cho hơn 1.300 hộ dân và cơ quan ở thị trấn Đa Tễ và ba xã Hương Lâm, Đa Lây, An Nhơn, phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt (900.000 KW/năm). Hệ thống đường giao thông đã thông suốt từ huyện đến trung tâm xã, giao thông nông thôn được xây dựng sửa chữa, nâng cấp bảo đảm việc đi lại cho nhân dân, trụ sở các cơ quan Nhà nước, trạm y tế, trường học cũng được đầu tư kiên cố thay dần cho hệ thống nhà bán kiên cố hoặc nhà tạm. Việc xây dựng trong nhân dân được đầu tư nhiều hơn.

Một số lĩnh vực khác cũng có nhiều tiến bộ đáng kể: ngành bưu điện từng bước hiện đại hóa mạng lưới thông tin; công tác đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được triển khai có kết quả; lưu thông vật tư hàng hóa đã bảo đảm cung ứng cho nhu cầu phát triển sản xuất và đời sống của nhân dân, thương nghiệp tư nhân tăng 2,7 lần so với năm 1991.

Hoạt động tín dụng, thu chi ngân sách, công tác thu thuế huy động hàng năm 4 - 6 % tổng sản phẩm xã hội vào ngân sách, mức thu hàng năm tăng từ 30 – 60%. Chi ngân sách tăng 1,6 lần so với năm 1991, bảo

đảm các nhu cầu quản lý của huyện. Tuy nhiên, do chưa cân đối được nên hàng năm tỉnh trợ cấp khoảng 30 – 35% trong tổng số chi ngân sách của huyện.

Hoạt động tín dụng ngân hàng phát triển nhanh, việc đầu tư tín dụng của ngân hàng nông nghiệp năm 1995 bằng 57,7 lần so với năm 1991, vốn trung hạn tăng 10 lần so với năm 1993, trong đó tỷ trọng cho vay sản xuất nông nghiệp đạt bình quân 70%/năm. Các nguồn vốn ưu đãi của Nhà nước để đầu tư cho định canh định cư, phủ xanh đất trống đồi núi trọc, giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo đã hỗ trợ tín dụng rất lớn cho nhân dân, đặc biệt là dân nghèo, đồng bào dân tộc địa phương. Chỉ tính trong hai năm 1994 - 1995 đã đầu tư hơn 4 tỷ đồng cho gần 2.000 hộ dân.

Bằng nhiều nguồn vốn, huyện đã chỉ đạo tập trung đầu tư để tăng thêm việc làm. Đến năm 1995 chấm dứt đói giáp hạt kéo dài trong nhiều năm qua, hạ thấp dần tỷ lệ hộ đói nghèo. Việc giải quyết các chế độ chính sách cho các đối tượng có công với cách mạng, người về hưu được kịp thời, không để xảy ra các hiện tượng tiêu cực làm suy giảm lòng tin. Công tác định canh định cư đã được chú trọng. Xây dựng, củng cố 3 làng lâm nghiệp và đã đưa vào dự án đầu tư của tỉnh, ổn định một bước quan trọng cho sản xuất và đời sống của đồng bào dân tộc tại chỗ.

Sự nghiệp giáo dục và đào tạo có tiến bộ rõ nét, cơ sở vật chất được nâng cấp, ngôi nhà hơn 50% phòng học, không còn lớp học ca 3, tỷ lệ học sinh bỏ học giảm từ 13 - 15% xuống còn 2 - 4%. Tỷ lệ học sinh dân tộc tăng 3,5 lần so với năm 1991. Học sinh tăng bình quân hàng năm 900 - 1.000 em; các ngành học, cấp học phát triển đều, nhất là ngành học mầm non. Kết quả học tập của học sinh hàng năm đều tăng. Huyện đã hoàn thành phổ cập tiểu học, xóa mù chữ vào tháng 10 năm 1995. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên từng bước được chuẩn hóa, trưởng thành, đáp ứng được yêu cầu.

Hoạt động chăm sóc sức khỏe nhân dân được chú ý, không để xảy ra dịch lớn, bệnh sốt rét bước đầu được kiểm soát và khống chế, hạ tỷ lệ dân số mắc bệnh sốt rét xuống dưới 15%, đạt được 3 mục tiêu của Trung ương về phòng chống sốt rét là không để xảy ra dịch, giảm tỷ lệ mắc bệnh từ 20 - 50%, giảm tử vong từ 20 - 50% so với năm trước. Năm 1995, tử vong do sốt rét chỉ còn 1 người. Các chương trình y tế khác đều được triển khai, từ năm 1992 - 1995 năm nào cũng hoàn thành các chỉ tiêu tiêm chủng cho trẻ em, uống vitamin A, thanh toán bại liệt, loại trừ uốn ván... Mạng lưới y tế xã được hoàn thiện củng cố, chất lượng đội ngũ cán bộ y tế, cơ sở vật chất và chất lượng khám chữa bệnh so với trước có nhiều tiến bộ.

Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình có chuyển biến tốt, đã hạ thấp tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hàng

năm, đạt và vượt các chỉ tiêu chủ yếu về thực hiện các biện pháp tránh thai do tình giao hàng năm, nâng tỷ lệ các cặp vợ chồng áp dụng các biện pháp tránh thai lên đến trên 70%, tỷ lệ các cặp vợ chồng sinh con thứ 3 trở lên giảm nhanh.

Các hoạt động văn hóa, thông tin, thể thao có nhiều tiến bộ, đáp ứng được những nhu cầu hưởng thụ văn hóa cơ bản của nhân dân và tuyên truyền đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước. Hệ thống truyền thanh - truyền hình cơ bản đã phủ sóng toàn huyện, thực hiện nhiều chương trình đưa văn hóa, thông tin về cơ sở, động viên nhân dân hăng hái lao động sản xuất, công tác, học tập, giữ gìn trật tự trị an... thực hiện công cuộc đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo.

- *Trên lĩnh vực an ninh quốc phòng*, hàng năm đều đạt các chỉ tiêu giao quân, huấn luyện, truy quét, sẵn sàng chiến đấu, xây dựng lực lượng vũ trang. An ninh chính trị được giữ vững, trật tự an toàn xã hội, hệ thống an ninh thôn xóm được tăng cường, phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc đã mang lại hiệu quả rõ nét.

- *Công tác xây dựng Đảng*

Nhằm tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng, từ ngày 19 đến ngày 20 tháng 4 năm 1994, hội nghị giữa nhiệm kỳ của Đảng bộ được tổ chức. Hội nghị đánh giá hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng

bộ huyện lần thứ III, điều chỉnh, bổ sung phương hướng, nhiệm vụ và bầu bổ sung 5 ủy viên Ban Chấp hành theo quy định của Điều lệ Đảng. Trong nhiệm kỳ 1991 - 1995, công tác xây dựng Đảng có nhiều tiến bộ rõ rệt.

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng được chú ý, trong nhiệm kỳ đã đưa đi đào tạo hơn 70 cán bộ chủ chốt của xã, huyện để nâng cao trình độ lý luận, quản lý Nhà nước. Đội ngũ báo cáo viên của huyện được tăng cường, thực hiện tốt việc tuyên truyền, bồi dưỡng chính trị, động viên cán bộ và nhân dân thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ.

Công tác tổ chức được củng cố và tăng cường, nâng cao được năng lực quản lý, lãnh đạo, kiểm tra của cấp ủy các cấp. Số cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh đều tăng hàng năm. Năm 1991 - 1993 có hai đơn vị, năm 1994 đã tăng lên 6 và năm 1995 tăng lên 9, trong đó có 1 đơn vị được tỉnh công nhận (Đảng bộ xã Đa Kho). Công tác phát triển Đảng được quan tâm, từ 1991 - 1995 đã kết nạp 116 đảng viên, số đảng viên có tuổi đời dưới 30 chiếm tỷ lệ khá cao (50%), trình độ học vấn hết cấp II tăng lên (65%), công tác cán bộ trong thời kỳ này có chuyển biến khá tốt.

Công tác kiểm tra được tăng cường, trong 5 năm đã kiểm tra 128 đảng viên, 58 lượt tổ chức cơ sở Đảng, xử lý kỷ luật 34 đảng viên, hầu hết số đảng viên bị xử lý kỷ luật sau đó đều được công nhận tiến bộ.

Hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể quần chúng

- Mặt trận Tổ quốc đã đại hội thành lập các chi hội Người cao tuổi ở các xã, thị trấn, huy động quỹ bảo trợ trẻ em, ủng hộ nhân dân Cuba, góp phần có hiệu quả trong việc vận động nhân dân thực hiện tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh với phong trào “Thanh niên lập nghiệp” và “Tuổi trẻ giữ nước” đã động viên được đoàn viên thanh niên vươn lên làm giàu chính đáng, giúp nhau xây dựng và phát triển kinh tế, tham gia xây dựng các công trình thủy lợi, làm đường giao thông nông thôn, giáo dục thiếu nhi...

- Hội Phụ nữ với chương trình phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình và bảo lãnh tín chấp cho phụ nữ vay vốn để phát triển sản xuất hàng trăm triệu đồng; vận động giúp đỡ nhau trong nội bộ không tính lãi hàng chục triệu đồng, đi đầu trong việc thực hiện chính sách dân số và bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

- Về xây dựng chính quyền

Ngày 20 tháng 11 năm 1994, hàng ngàn cử tri trong huyện đã tham gia bầu cử, lựa chọn 25 đại biểu vào Hội đồng nhân dân huyện khóa III. Tại kỳ họp thứ nhất, đồng chí Trương Văn Sáu được bầu làm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, đồng chí Nguyễn Viết Chu

làm Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, đồng chí Hoàng Hiền được bầu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân, các đồng chí Lê Duy Lưu, Mai Văn Thi được bầu làm Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân. Tuy số lượng ít nhưng chất lượng hoạt động của các đại biểu ngày càng được nâng lên. Ủy ban nhân dân huyện và các phòng ban trực thuộc được củng cố tăng cường. Các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện, xã, thị trấn đều được đào tạo, bồi dưỡng để nắm rõ chức năng, nhiệm vụ nên hoạt động đã mang lại hiệu quả rõ nét. Hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân đã bảo đảm luật định, kịp thời quyết định và điều hành thực hiện các nhiệm vụ kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng của địa phương. Kịp thời giải quyết các vụ việc khiếu tố, từng bước cải cách hành chính, cải tiến lề lối làm việc, phục vụ nhân dân ngày càng tốt hơn.

Song song với những thành tựu đạt được, thời kỳ này cũng bộc lộ một số khuyết điểm, tồn tại:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế chưa hợp lý và chưa tương xứng với tiềm năng, giá trị đã đầu tư.

- Sản xuất nông nghiệp chưa thoát khỏi tình trạng sản xuất nhỏ, năng suất thấp. Việc phát triển các loại cây công nghiệp chưa được ổn định, còn tự phát, chạy theo biến động của thị trường. Vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc chưa thoát khỏi tình trạng tự cung tự cấp; chưa áp dụng mạnh mẽ các thành tựu khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

- Sự gắn bó giữa ngành và địa phương trong việc phân công, phân cấp quản lý lâm nghiệp thiếu chặt chẽ; thực hiện các dự án định canh định cư còn lúng túng, sự chuyển biến về đời sống của nhân dân vùng dự án còn chậm.

- Thị trường tiêu thụ chưa được mở rộng, đầu tư vốn trong nhân dân để mua sắm, tăng cường trang thiết bị phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp còn hạn chế.

- Thu ngân sách hàng năm có tăng nhưng còn chậm, còn dễ thất thu. Đầu tư tín dụng khá cao nhưng hiệu quả còn thấp, lợi nhuận của người vay vốn tín dụng không cao, nhiều hộ thua lỗ mất vốn, phải dùng biện pháp phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi vốn.

- Tình trạng dân nhập cư tự do vẫn còn nhiều làm cho huyện bị động, lúng túng trong việc điều hành, thực hiện kế hoạch và đầu tư.

- Đời sống của người có công với cách mạng, hưu trí, người làm công, ăn lương trong khu vực hành chính sự nghiệp có cải thiện nhưng chưa nhiều, đời sống còn khó khăn.

- Giáo dục, y tế còn không ít khó khăn về đội ngũ và đầu tư cơ sở vật chất. Văn hóa thông tin có phát triển song chưa đáp ứng được yêu cầu thông tin ngày càng lớn của nhân dân.

- Kỷ cương, trật tự xã hội trên một số mặt chưa được tăng cường đúng mức, công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật còn nhiều hạn chế.

- Hoạt động của các đoàn thể còn nhiều lúng túng về nội dung và phương thức, yếu kém trong phương pháp tập hợp quần chúng.

- Về công tác xây dựng Đảng, lĩnh vực giáo dục chính trị cho đảng viên chưa được thường xuyên, sâu rộng; công tác cán bộ có đổi mới nhưng còn chậm; việc kiểm tra thực hiện Nghị quyết của cấp ủy Đảng chưa đi vào nề nếp, hoạt động kiểm tra của cơ sở còn yếu.

- Hoạt động của chính quyền 2 cấp còn bộc lộ thiếu sót, nhược điểm trên một số mặt, nhất là quản lý đất đai, tài nguyên, xây dựng cơ bản, thu ngân sách... chỉ đạo điều hành và công tác cán bộ có lúc còn lúng túng.

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đạ Tẻh lần thứ IV đã bầu Ban Chấp hành mới (nhiệm kỳ 1996 - 2000) gồm 33 ủy viên, đồng chí Trương Văn Sáu được bầu làm Bí thư Huyện ủy.

5. Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đạ Tẻh lần thứ V (nhiệm kỳ 2000 - 2005)

Từ ngày 19 đến ngày 22 tháng 11 năm 2000, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đạ Tẻh lần thứ V

được tổ chức. Dự Đại hội có 117 đại biểu thay mặt cho trên 900 đảng viên của 33 tổ chức cơ sở Đảng.

Đại hội đánh giá tình hình và những kết quả đạt được trong 5 năm 1996 - 2000.

Kinh tế tiếp tục tăng trưởng, hoàn thành cơ bản một số mục tiêu mà Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đa Tả lần thứ IV đề ra.

Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân thời kỳ 1996 - 2000 đạt 7,64% (Nghị quyết Đại hội IV: 10%), trong đó nông - lâm nghiệp tăng bình quân 5,57%, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng cơ bản tăng bình quân 10,24%, thương mại, dịch vụ tăng 12,95%. GDP bình quân đầu người đạt 171 USD (Nghị quyết Đại hội IV: 200USD)

Sản xuất nông nghiệp phát triển theo hướng đa canh, đa cây, đa con. Một số loại cây trồng chủ yếu như lúa, mía tiếp tục mở rộng về diện tích. Diện tích cây dâu giảm, hiện đang được khôi phục phát triển, diện tích cây điều giảm do năng suất thấp; cây cà phê, cây tiêu phát triển tự phát, tăng nhanh về diện tích. Nhìn chung cơ cấu cây trồng có sự chuyển biến theo định hướng phát triển loại cây trồng có giá trị kinh tế cao, thị trường tiêu thụ ổn định.

Công tác khuyến nông được chú trọng, đưa các loại giống mới vào sản xuất, góp phần tăng năng suất, sản lượng cây trồng, vật nuôi. Năng suất lúa tăng từ 30,56 tạ/vụ/ha (năm 1996) lên 32,6 tạ/vụ/ha (năm

2000). Sản lượng lương thực năm sau cao hơn năm trước, năm 2000 ước đạt 25.165 tấn (Nghị quyết Đại hội IV: 28.000 tấn), bình quân lương thực đầu người đạt 575kg/năm. Về chăn nuôi, tổng đàn gia súc tăng bình quân hàng năm 9,1%.

Lâm nghiệp đã làm tốt công tác giao khoán quản lý, bảo vệ rừng và trồng rừng theo kế hoạch hàng năm. Trong 5 năm đã trồng được 310,5 ha rừng tập trung, 425.000 cây phân tán. Giao khoán quản lý, bảo vệ được 11.834 ha, chiếm 34% diện tích rừng. Các đơn vị chủ rừng và các ngành chức năng thường xuyên làm tốt công tác kiểm tra, phát hiện, xử lý các vụ vi phạm lâm luật, cơ bản đẩy lùi nạn khai thác, buôn bán lâm sản trái phép.

Về định canh định cư, tổng vốn đầu tư trong 5 năm vùng dự án định canh định cư Đạ Nha, Con Ó, Tổ Lan là 4.835 triệu để xây dựng kết cấu hạ tầng, lập vườn hộ và chăn nuôi gia súc, nên đời sống đồng bào dân tộc trong vùng dự án từng bước ổn định, cơ bản không còn hộ đói, chấm dứt du canh du cư, phát rừng làm nương rẫy. Tiếp tục triển khai thực hiện dự án chuyển gần 150 hộ dân trong vùng dự án thiếu đất sản xuất lên sản xuất cây công nghiệp tại khu vực Tôn K'Long.

Hoàn thành cơ bản công tác đo đạc và cấp quyền sử dụng đất. Công tác quản lý Nhà nước về đất đai được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, các

vụ việc tranh chấp về đất đai đều được Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và huyện giải quyết dứt điểm, không để tồn đọng kéo dài.

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng bình quân hàng năm 10,24%. Năng lực sản xuất của một số ngành, nghề tăng đáng kể như: khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng tăng 25,61%, chế biến lâm sản tăng 39,23%, chế biến lương thực, thực phẩm tăng 16,18%.

Bưu chính viễn thông được đầu tư tích cực, mạng lưới điện thoại phủ kín đến 100% trung tâm xã, thị trấn, đạt mật độ 1,5 máy/100 người dân, đáp ứng nhu cầu thông tin và phục vụ phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

Về giao thông vận tải, tăng thêm nhiều phương tiện, mở thêm nhiều tuyến đường cơ bản đáp ứng nhu cầu vận chuyển hành khách, đi lại và vận chuyển giao lưu hàng hóa của nhân dân.

Về xây dựng cơ bản, bằng các nguồn vốn đầu tư của Nhà nước và nhân dân góp vốn, trong 5 năm tổng giá trị đầu tư đạt gần 80 tỷ đồng để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng như: nâng cấp nhiều tuyến đường giao thông đến các trung tâm xã, rải nhựa đường đi Triệu Hải, một phần đường đi Quảng Trị, sửa chữa nâng cấp công trình thủy lợi, trường học, trạm xá, chợ, trung tâm văn hóa huyện... đặc biệt là xây dựng đường điện đến 10/10 xã, thị trấn, mở rộng diện sinh hoạt đến

58% số thôn và 35,7% hộ gia đình sử dụng điện. Một số công trình đã và đang phát huy hiệu quả, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển, từng bước thay đổi bộ mặt xã hội nông thôn ở một số vùng trong huyện.

Thu ngân sách Nhà nước tăng bình quân hàng năm trên 5% so với kế hoạch tỉnh giao, các khoản thu cơ bản đều đạt và vượt kế hoạch. Mức huy động GDP vào ngân sách hàng năm chiếm 3,5 - 4%.

Hoạt động tín dụng cơ bản đáp ứng nhu cầu vay vốn của các tổ chức và cá nhân để đầu tư phát triển sản xuất. Tăng tỷ lệ cho vay trung và dài hạn từ 22,96% năm 1995 lên 62,5% năm 2000, doanh số cho vay trong 5 năm là 68.868 triệu đồng, số dư nợ bình quân 16.200 triệu đồng.

Các thành phần kinh tế trên địa bàn huyện được quan tâm, khuyến khích, tạo điều kiện phát triển, trong đó kinh tế hợp tác, kinh tế trang trại đang từng bước hình thành.

Lĩnh vực văn hóa xã hội không ngừng tiến bộ, nhiều mặt đạt kết quả khá

Sự nghiệp giáo dục và đào tạo có những chuyển biến mạnh mẽ. Hệ thống trường, lớp được củng cố và điều chỉnh hợp lý, tạo điều kiện cho sự phát triển đồng bộ, đúng hướng, đáp ứng yêu cầu học tập của nhân dân, chương trình phổ cập trung học cơ sở đang được triển khai; chất lượng giáo dục toàn diện ngày một nâng lên, đã có nhiều học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp quốc

gia. Giáo dục hướng nghiệp, dạy nghề phát triển khá mạnh, hàng năm thu hút từ 65 - 80% học sinh từ lớp 8 đến lớp 12 tham gia.

Xã hội hóa giáo dục, dân chủ hóa trong trường học ngày càng được đẩy mạnh; công tác Đảng, Đoàn, Đội trong trường học có nhiều chuyển biến tích cực.

Công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân và dân số kế hoạch hóa gia đình có nhiều tiến bộ. Được công nhận hoàn thành thanh toán bệnh phong theo tiêu chuẩn quốc gia. Công tác phòng chống dịch bệnh được đề cao, không để dịch bệnh lớn xảy ra trên diện rộng, tỷ lệ người mắc bệnh sốt rét giảm. Cơ sở vật chất, trang thiết bị khám, điều trị, phòng chống dịch bệnh được tăng cường đầu tư. Tỷ lệ y, bác sĩ chiếm 61,83% tổng số cán bộ y tế của huyện, tăng 14,29% so với năm 1996, cơ bản đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân trong huyện. Công tác truyền thông dân số kế hoạch hóa gia đình được thực hiện thường xuyên và đạt kết quả tốt, hạ tỷ lệ tăng dân số tự nhiên từ 2,47% năm 1996 xuống còn 1,4% năm 1999 (Nghị quyết Đại hội IV: 1,8%). Công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em được duy trì có hiệu quả, giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng từ 47,2% xuống còn 34% năm 2000.

Hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao ngày càng phát triển đa dạng và phong phú, thu hút nhiều tầng lớp nhân dân tham gia. Từ khi triển khai

thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về “xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc”, nhiều thôn, buôn, khu phố đã xây dựng quy ước, hương ước thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội; kiên quyết bài trừ các tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan, phong tục tập quán lạc hậu... Hoạt động truyền thanh, truyền hình địa phương đã đáp ứng nhu cầu thông tin của nhân dân. Công tác quản lý Nhà nước trên lĩnh vực văn hóa được quan tâm nên các hoạt động văn hóa trên địa bàn ngày một ổn định theo hướng lành mạnh.

Thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo đạt kết quả khá. Trên cơ sở tiếp nhận các nguồn vốn đầu tư của Nhà nước cho chương trình xóa đói giảm nghèo, vốn của ngân hàng người nghèo đã cho các hộ nghèo vay vốn phát triển sản xuất. Tổng các nguồn vốn đầu tư cho chương trình xóa đói giảm nghèo trong 5 năm đạt trên 25 tỷ đồng, cơ bản đáp ứng nhu cầu của hộ nghèo vay vốn phát triển sản xuất, giải quyết việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống, nhiều hộ đã thoát nghèo, vươn lên khá. Giảm tỷ lệ đói nghèo từ 20,8% năm 1995 xuống còn 7,59% năm 1999, không còn hộ đói.

Việc thực hiện các chế độ, chính sách đối với các đối tượng được quan tâm đúng mức và kịp thời. Quỹ đền ơn đáp nghĩa hàng năm được tổ chức vận động có hiệu quả. Trong 5 năm xây dựng được 5 căn nhà tình

nghĩa, tặng gần 200 sổ tiết kiệm tình nghĩa trị giá trên 50 triệu đồng. Hoạt động tình nghĩa trong cộng đồng dân cư đang từng bước đi vào chiều sâu và đạt những kết quả đáng trân trọng.

Quốc phòng, an ninh được củng cố vững chắc

Đảng bộ và chính quyền các cấp đã tập trung lãnh đạo thực hiện có kết quả các nhiệm vụ an ninh quốc phòng, trong đó chú trọng xây dựng thực lực làm công tác an ninh trật tự ở cơ sở, đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, phòng chống tội phạm, bảo đảm các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử theo đúng quy định của pháp luật. Kịp thời giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp, khiếu kiện trong nội bộ nhân dân, không để xảy ra điểm nóng, luôn thực hiện tốt chính sách tôn giáo, dân tộc của Đảng và Nhà nước.

Lực lượng dân quân tự vệ được huấn luyện thường xuyên, triển khai thực hiện phương án phòng thủ, phương án tác chiến, sẵn sàng chiến đấu. Công tác tuyển quân hàng năm đều đạt chỉ tiêu, chất lượng, bảo đảm thời gian và đúng luật. Công tác Đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang được củng cố vững chắc.

Nhìn chung, trên địa bàn huyện tình hình an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội cơ bản được giữ vững, tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế xã hội ở địa phương phát triển.

Về xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể

Công tác tư tưởng được các cấp ủy từ huyện đến cơ sở thường xuyên chỉ đạo thực hiện, kịp thời phổ biến, quán triệt học tập, các Nghị quyết của Đảng, bước đầu đổi mới việc nghiên cứu học tập, thảo luận phù hợp với từng loại đối tượng, từ đó nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân được củng cố và nâng cao. Đồng thời thực hiện tốt công tác tuyên truyền, hướng dẫn tư tưởng, làm cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng.

Đảng bộ đã chú trọng củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng, từ đó chất lượng sinh hoạt và vai trò lãnh đạo toàn diện của các tổ chức cơ sở Đảng được phát huy. Phần lớn các cấp ủy cơ sở xác định rõ nội dung, phương thức lãnh đạo, hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị. Nhiều tổ chức cơ sở Đảng đã khắc phục được tình trạng bao biện làm thay hoặc buông lỏng trong lãnh đạo, chỉ đạo. Tổ chức cơ sở Đảng yếu kém từng bước được củng cố. Số tổ chức cơ sở Đảng đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh hàng năm tăng, nhất là loại hình cơ sở xã, thị trấn, có 31% tổ chức cơ sở Đảng 4 năm liền đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh.

Đã làm tốt công tác tạo nguồn, bồi dưỡng phát triển Đảng, số đảng viên mới được kết nạp Đảng trong ngành giáo dục chiếm tỷ lệ cao.

Trong 5 năm (tính đến 30 tháng 10 năm 2000) kết nạp được 313 đảng viên mới (Nghị quyết Đại hội IV: 250). Đội ngũ đảng viên có trình độ văn hóa, chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị tăng cao hàng năm.

Năm 1996, toàn huyện có 29 chi bộ, đảng bộ; 700 đảng viên. Đến 30 tháng 10 năm 2000 có 33 chi bộ, đảng bộ cơ sở, 930 đảng viên (tăng 4 chi bộ, đảng bộ, 230 đảng viên).

Công tác kiểm tra được các cấp ủy và Ủy ban kiểm tra thực hiện thường xuyên. Ủy ban kiểm tra các cấp ngoài kiểm tra đảng viên có dấu hiệu vi phạm và giải quyết đơn thư đã tham mưu cho cấp ủy xây dựng kế hoạch kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng ở tổ chức Đảng và mọi cán bộ đảng viên, nhằm kịp thời phát hiện và xử lý vi phạm.

Trong 5 năm đã tiến hành kiểm tra 78 đảng viên có dấu hiệu vi phạm, trong đó Huyện ủy viên là 5 đồng chí, cấp ủy viên cơ sở 30 đồng chí, đảng viên không giữ chức vụ 43 đồng chí. Qua kiểm tra và thụ lý giải quyết 90 đơn thư tố cáo, đã xử lý kỷ luật bằng các hình thức 48 đồng chí (trong đó khai trừ 2 đồng chí, cách chức 3 đồng chí, cảnh cáo 23 đồng chí, khiển trách 20 đồng chí).

Trong 48 đồng chí bị thi hành các hình thức kỷ luật của Đảng có đồng chí bị kỷ luật do tố cáo không đúng hoặc vi phạm quy định 55 của Bộ Chính trị.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) về công tác cán bộ, các cấp ủy đã chủ động tạo nguồn để quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ, nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Trong đánh giá, tuyển chọn, đề bạt và bố trí, kể cả việc cử cán bộ đi học đã cơ bản thực hiện theo đúng quy trình, nguyên tắc.

Nhiệm kỳ qua, có trên 300 cán bộ, đảng viên được cử tham dự các lớp học ngắn hạn, dài hạn, với nhiều ngành học khác nhau, trong đó học tập lý luận chính trị chiếm tỷ lệ trên 26%.

Thực hiện Luật bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp, ngày 14 tháng 11 năm 1999, trên địa bàn toàn huyện đã tiến hành cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 1999 - 2004. Đã bầu được 25 đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, 210 đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã, thị trấn. Tại phiên họp đầu tiên của Hội đồng nhân dân huyện khóa IV, đồng chí Trương Văn Sáu được bầu giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân, đồng chí Phạm Ngọc Anh Tuấn giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, đồng chí Hoàng Hiền được bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân, các đồng chí Mai Văn Thi,, Vũ Ngọc Sơn được bầu giữ chức Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

Hoạt động của Hội đồng nhân dân từ huyện đến xã, thị trấn có những đổi mới, khắc phục một bước

dân chủ hình thức, đã có một số Nghị quyết chuyên đề nhằm thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm hàng năm, dân chủ được phát huy, công tác tiếp dân, tiếp xúc cử tri, kiểm tra, giám sát của đại biểu Hội đồng nhân dân có tiến bộ, chất lượng hơn.

Hoạt động điều hành, quản lý Nhà nước của các cấp chính quyền luôn bám sát Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp và quyết định, chỉ thị của cấp trên, điều hành quản lý theo đúng quy định của pháp luật. Triển khai thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở.

Mặt trận, đoàn thể và các tổ chức chính trị xã hội từ huyện đến cơ sở được củng cố, kiện toàn về tổ chức, từng bước được đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động, đa dạng hóa các hình thức vận động quần chúng, hướng hoạt động về cơ sở. Nhiều đoàn thể hoạt động thiết thực, chăm lo đời sống đoàn viên, hội viên như: tín chấp vay vốn, hỗ trợ vốn, các chương trình vì phụ nữ nghèo, nông dân sản xuất giỏi, thanh niên lập nghiệp... góp phần phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước ở địa phương.

Mối quan hệ giữa dân với Đảng, chính quyền ngày càng gắn bó, niềm tin của nhân dân vào sự nghiệp đổi mới do Đảng lãnh đạo ngày càng được củng cố vững chắc.

Trong 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IV, bên cạnh những thành tựu đã đạt được vẫn còn một số tồn tại, yếu kém:

Nền kinh tế của địa phương phát triển chậm, chưa tương xứng với tiềm năng và sự đầu tư của Nhà nước, còn bộc lộ tính tự phát, chưa có định hướng cụ thể, còn mang nặng tính tự cung tự cấp, chưa tạo ra mũi nhọn trong phát triển kinh tế.

Trong sản xuất nông nghiệp chưa tập trung chỉ đạo sản xuất theo thời vụ, kinh tế hợp tác, kinh tế trang trại phát triển chậm, việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất để thâm canh, tăng vụ, tăng năng suất, sản lượng cây trồng vật nuôi còn thấp, nhất là cây lúa. Các mặt hàng nông sản chủ yếu của huyện chưa được chế biến, chủ yếu bán ở dạng nguyên liệu, thị trường tiêu thụ, giá cả thiếu ổn định, tạo tâm lý lo sợ, không dám đầu tư phát triển sản xuất, làm cho sản xuất nông nghiệp có lúc trì trệ, bế tắc.

Việc huy động vốn trong nhân dân để đầu tư cho xây dựng kết cấu hạ tầng đạt thấp (chỉ đạt 24,9% tổng giá trị đầu tư). Nguồn vốn tích lũy trong nhân dân chưa được khuyến khích đầu tư cho phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Thu, chi ngân sách tuy đạt kế hoạch, song vẫn còn thất thu, các loại phí, lệ phí không đạt kế hoạch, các khoản huy động đóng góp đạt thấp. Chi ngân sách

cho sự nghiệp phát triển kinh tế chiếm tỷ trọng thấp, chỉ đạt xấp xỉ 10% tổng chi ngân sách.

Công tác quản lý Nhà nước về xây dựng cơ bản còn bộc lộ những mặt yếu kém, một số công trình chất lượng và hiệu quả sử dụng thấp; công tác quản lý đô thị ở trung tâm thị trấn Đa Tễ chưa được quan tâm đúng mức, nhất là vấn đề vệ sinh môi trường chưa được quy hoạch và tổ chức tốt. Công tác đo đạc và cấp quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở theo Nghị định 60, 61/CP triển khai thực hiện chậm.

Một số chỉ tiêu kinh tế theo Nghị quyết Đại hội IV đề ra không đạt, đó là: tốc độ tăng trưởng kinh tế, GDP bình quân đầu người, tổng sản lượng lương thực.

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phát triển chậm, các doanh nghiệp của tỉnh đóng trên địa bàn hoạt động kém hiệu quả. Quy mô sản xuất nhỏ, thiết bị công nghệ lạc hậu, chất lượng sản phẩm thấp, chưa đáp ứng nhu cầu thị trường tiêu thụ sản phẩm. Mối quan hệ giữa đầu tư với tiêu thụ sản phẩm, bảo hiểm giá cho cây trồng, vật nuôi giữa các doanh nghiệp Nhà nước với nông dân về mặt pháp lý chưa được xác lập, nên chưa khuyến khích được sản xuất phát triển. Chưa có các dự án thu hút vốn đầu tư phát triển cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp để chế biến hàng hóa nông lâm sản tại chỗ.

Một số vấn đề xã hội chưa được giải quyết cơ bản

Công tác định canh định cư chưa thật ổn định, vững chắc, kết quả thực hiện dự án đầu tư xã điểm về xây dựng vườn hộ, phát triển chăn nuôi hiệu quả thấp, đời sống nhân dân trong vùng dự án còn nhiều khó khăn.

Việc thực hiện chương trình quốc gia về xóa đói giảm nghèo tính xã hội hóa chưa cao. Tỷ lệ hộ đói nghèo tuy giảm đáng kể, song chưa thật vững chắc, tỷ lệ hộ khá và giàu còn thấp, khả năng tái nghèo vẫn còn.

Trong giáo dục đào tạo, cơ sở vật chất trường, lớp, thiết bị đồ dùng dạy học còn nhiều khó khăn thiếu thốn; chất lượng đội ngũ giáo viên và chất lượng giáo dục mũi nhọn có mặt còn hạn chế, tỷ lệ giáo viên và học sinh giỏi ở các cấp chưa nhiều, tình trạng bỏ học và học sinh hư chưa được ngăn chặn có hiệu quả, phổ cập trung học cơ sở đang gặp nhiều khó khăn.

Chất lượng khám chữa bệnh chưa đáp ứng được yêu cầu. Trình độ chuyên môn, trách nhiệm của một số thầy thuốc còn hạn chế. Quản lý hành nghề y được tư nhân chưa đi vào nề nếp. Kiểm tra giám sát vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường thiếu thường xuyên.

Công tác quản lý Nhà nước đối với các hoạt động văn hóa có mặt còn buông lỏng. Chưa phát hiện,

ngăn chặn và xử lý kịp thời một số hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hóa không lành mạnh.

Về an ninh quốc phòng: có mặt diễn biến phức tạp, tình trạng thanh thiếu niên, học sinh hư hỏng, phạm pháp chưa được ngăn chặn có hiệu quả; phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng thực lực làm công tác bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở chưa thật đều khắp, hoạt động kém hiệu quả. Trật tự an toàn xã hội có lúc diễn biến phức tạp, song chậm được phát hiện và xử lý kiên quyết.

Việc đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị còn có mặt chưa tốt.

Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ đảng viên chưa được các cấp ủy cơ sở quan tâm đúng mức, chậm đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo vẫn còn rập khuôn, máy móc, nội dung sinh hoạt ở các chi bộ chưa được đổi mới. Công tác phát triển Đảng, bảo vệ chính trị nội bộ ở một số tổ chức cơ sở Đảng chưa thực hiện tốt. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng còn những mặt yếu kém, tính tiên phong gương mẫu của một bộ phận đảng viên chưa được phát huy.

Quản lý Nhà nước ở một số lĩnh vực còn yếu, nhất là trong quản lý kinh tế, xây dựng cơ bản. Cải cách thủ tục hành chính chưa đồng bộ. Xử lý một số

vi phạm pháp luật thiếu kiên quyết. Công tác tham mưu của các phòng ban chuyên môn chưa thật chủ động, sáng tạo.

Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể còn lúng túng, chưa đổi mới nội dung, phương thức hoạt động chưa đa dạng, phong phú, công tác vận động quần chúng thiếu chiều sâu. Chưa quan tâm đúng mức đến công tác phát triển đoàn viên, hội viên, xây dựng tổ chức đoàn, hội vững mạnh. Chưa tích cực phối hợp triển khai thực hiện có kết quả cuộc vận động “toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư và xây dựng đời sống văn hóa”.

Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở chưa đều khắp, có mặt chưa được phát huy tích cực, nhất là dân chủ trong thảo luận để quyết định nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, xây dựng kết cấu hạ tầng ở từng địa bàn dân cư.

Trên cơ sở đánh giá những thành tựu và tồn tại yếu kém, Đại hội xác định nhiệm vụ tổng quát thời kỳ 2001 - 2005: *“Thường xuyên nâng cao nhận thức, nắm vững các quan điểm tư tưởng chỉ đạo của Đảng trong từng thời kỳ, ra sức phát huy nội lực, thu hút ngoại lực để xây dựng địa phương. Phát triển toàn diện nông, lâm, tiểu thủ công nghiệp - dịch vụ. Từng bước tạo sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công*

bằng xã hội, giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, nâng cao dân trí, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh toàn diện từ huyện đến cơ sở. Quyết tâm xây dựng huyện Đa Tả giàu mạnh”.

Đề thực hiện được phương hướng, nhiệm vụ trên, Đại hội đề ra những mục tiêu chủ yếu:

- Nhịp độ tăng GDP bình quân hàng năm tăng từ 8 - 9%, đến năm 2005 thu nhập bình quân đầu người đạt trên 3,5 triệu đồng, tổng sản lượng lương thực đến cuối năm 2005 đạt từ 28.000 - 30.000 tấn, lương thực bình quân đầu người đạt từ 620 - 650 kg, thu ngân sách hàng năm vượt kế hoạch tỉnh giao từ 5 - 7%.

Giá trị sản xuất tăng bình quân hàng năm: nông - lâm - ngư nghiệp 8 - 9%; công nghiệp, xây dựng 9 - 10%; dịch vụ 6 - 7%. Đến năm 2005, Tỷ trọng trong GDP của nông - lâm - ngư nghiệp 51%, công nghiệp - xây dựng 20%, dịch vụ 29%.

- Nâng cao mức sống về mọi mặt cho nhân dân, đẩy mạnh phong trào xóa đói giảm nghèo, phấn đấu đến năm 2005 giảm hộ nghèo xuống còn 5% (theo tiêu chí cũ), nâng tỷ lệ hộ khá lên trên 30%, giảm tỷ lệ dân số tự nhiên xuống còn 1,2%; trên 60% trạm y tế xã có bác sĩ; 100% thôn, buôn, khu phố có nhân viên y tế.

- Phần đầu hàng năm có trên 97% trẻ đi học đúng độ tuổi. Phát triển mạnh mẽ ngành học mầm non, tiếp tục phổ cập trung học cơ sở, đến năm 2005 có 90% phòng học được xây dựng kiên cố cấp 4 trở lên, 20% tổng số trường học đạt chuẩn quốc gia.

- Phần đầu đến năm 2005 đạt 100% xã có trạm truyền thanh cơ sở; có câu lạc bộ văn hóa văn nghệ. Mỗi xã, thị trấn có ít nhất trên 50% hộ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa mới, có từ 1 - 2 thôn, buôn, khu phố đạt tiêu chuẩn thôn, buôn, khu phố văn hóa.

- củng cố quốc phòng, an ninh, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nâng cao cảnh giác, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu thủ đoạn “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch. Tích cực phòng chống các loại tội phạm, bài trừ các tệ nạn xã hội. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật. Hàng năm hoàn thành tốt chỉ tiêu giao quân, huấn luyện lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, xây dựng 60% số xã, thị trấn vững mạnh toàn diện, các xã còn lại vững mạnh về an ninh quốc phòng.

- Tích cực xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh, phần đầu đến năm 2005 có trên 70% tổng số cơ sở Đảng đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh, trong 5 năm kết nạp trên 250 đảng viên mới. Đến cuối nhiệm kỳ 100% thôn, buôn đều có đảng viên. Đến cuối năm 2001, tổ chức Đảng ở các xã, thị trấn đều là đảng bộ. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện

bộ máy chính quyền các cấp, trọng tâm là cải cách hành chính, thực hiện quy chế dân chủ. Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng các đoàn thể vững mạnh.

Sau 4 ngày làm việc khẩn trương, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đa Tẻ lần thứ V đã thành công tốt đẹp. Đại hội bầu Ban Chấp hành mới (nhiệm kỳ 2001 - 2005) gồm 29 ủy viên, đồng chí Trương Văn Sáu được bầu lại làm Bí thư Huyện ủy.

Trong phương hướng, nhiệm vụ mục tiêu của kế hoạch 5 năm 2001 - 2005, huyện Đa Tẻ có những thuận lợi cơ bản: kết cấu hạ tầng khá đồng bộ, đang từng bước phát huy tác dụng, thúc đẩy kinh tế phát triển; tiềm năng để phát triển nông nghiệp khá dồi dào, dân cư ổn định, đội ngũ cán bộ từng bước trưởng thành.

Tuy nhiên, khó khăn lớn nhất của huyện là điểm xuất phát thấp, còn nhiều mặt mắt cân đối, nhịp độ tăng trưởng kinh tế chưa cao, tích lũy từ nội bộ nền kinh tế chưa đáng kể; trật tự kỷ cương xã hội còn một số mặt chưa tốt. Năng lực lãnh đạo của tổ chức cơ sở Đảng, quản lý điều hành của các cấp chính quyền còn có những hạn chế nhất định.

Với những kinh nghiệm đã được tích lũy trong 15 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và các nhiệm kỳ trước, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc

huyện Đa Tả sẽ vượt qua mọi khó khăn, phát huy nội lực, tích cực thu hút các nguồn lực bên ngoài để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ V, tạo tiền đề vững chắc để phát triển trong những năm đầu thế kỷ XXI.

6. Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đa Tả lần thứ VI (nhiệm kỳ 2006 - 2010)

Trong không khí thi đua sôi nổi của cả nước thực hiện thắng lợi nghị quyết đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ IX, Đảng bộ Huyện Đa Tả tổ chức đại hội đại biểu Huyện đảng bộ lần thứ VI (nhiệm kỳ 2005-2010).

Đại hội diễn ra từ ngày 03 đến ngày 05 tháng 10 năm 2005, tại hội trường Trung tâm văn hóa thể thao huyện Đa Tả. Tham dự Đại hội có 149 đại biểu chính thức, trong đó có 28 đại biểu đương nhiệm, 20 đại biểu nữ và 14 đại biểu là dân tộc ít người; thay mặt cho 1139 đảng viên trong toàn huyện.

Đại hội thông qua báo cáo chính trị, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, công tác xây dựng Đảng 5 năm 2006-2010, báo cáo tổng hợp phiếu biểu quyết sửa đổi, bổ sung Điều lệ Đảng. Báo cáo chính trị do đồng chí Trương Văn Sáu, bí thư Huyện ủy Huyện Đa Tả khóa V trình bày tại đại hội đã nêu lên những thành tựu đạt được trong 5 năm 2001 – 2005:

Kinh tế tiếp tục tăng trưởng, hoàn thành mục tiêu chủ yếu mà đại hội Đảng bộ huyện lần thứ V đề ra:

Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân 5 năm 2001-2005 đạt 11,79%, trong đó nông – lâm – ngư nghiệp tăng bình quân 13,58%, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - xây dựng tăng bình quân 3,3%, thương mại - dịch vụ tăng 12,31%. Đến năm 2005 tỷ trọng GDP của ngành nông - lâm – ngư nghiệp chiếm 64%, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp – xây dựng 11,22%, thương mại - dịch vụ 24,78% (nghị quyết đại hội V là phần đầu tỷ trọng ngành nông – lâm – ngư nghiệp 51%, công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp - xây dựng 20%, thương mại - dịch vụ 29%), GDP bình quân đầu người đạt 5,72 triệu đồng (nghị quyết đại hội V trên 3,5 triệu đồng).

Về sản xuất nông nghiệp đã chú trọng chỉ đạo sản xuất đồng trà, đồng vụ, chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi, áp dụng khoa học kỹ thuật vào chăn nuôi, trồng trọt đã làm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm nông nghiệp. Trong 5 năm đã chuyển đổi sang trồng lúa giống mới có năng suất cao là 6.543 ha / 7.230 ha, đạt 90% tổng diện tích trồng lúa trên địa bàn toàn huyện. Sản lượng lương thực qui thóc năm sau cao hơn năm trước, tăng từ 19.704 tấn năm 2000 lên xấp xỉ 30.000 tấn năm 2005.

Về chăn nuôi: Đàn gia súc, gia cầm phát triển mạnh, trong đó đàn trâu, bò tăng 72% so với năm 2000. Chất lượng đàn giống đã được cải tạo theo hướng nạc hóa đàn heo, sinh hóa đàn bò. Mô hình chăn nuôi trang trại và công nghiệp đang tích cực được đầu tư phát triển.

Về lâm nghiệp: Các đơn vị chủ rừng đã làm tốt công tác giao khoán quản lý, bảo vệ rừng và trồng rừng theo kế hoạch hàng năm. Kết quả trong 5 năm trồng được 405,5 ha rừng. Giao khoán quản lý, bảo vệ được 12.138,1 ha. Lâm trường và các ngành chức năng thường xuyên làm tốt công tác phòng chống cháy rừng, kiểm tra, phát hiện, xử lý các vụ phát rừng làm rẫy, khai thác, buôn bán lâm sản và động vật rừng trái phép.

Về công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: Ngoài các cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp hiện có, đã phát triển thêm cơ sở chế biến hạt điều, dệt len góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho nhân dân địa phương. Đang tích cực quảng bá, kêu gọi thu hút đầu tư cụm điểm công nghiệp thị trấn Đa Tả.

Lĩnh vực thương mại, dịch vụ phát triển mạnh, hàng hóa, vật tư phục vụ sản xuất, tiêu dùng luôn đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất và tiêu dùng. Mạng lưới

bưu chính viễn thông phát triển mạnh, mật độ điện thoại tăng từ 1,62 máy / 100 dân năm 2000 lên 4,89 máy / 100 dân năm 2005. Công tác phát hành báo chí được mở rộng.

Về xây dựng cơ bản, bằng các nguồn vốn đầu tư của Nhà nước và nhân dân đóng góp, trong 5 năm tổng giá trị vốn đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn huyện đạt 149.806 triệu đồng để xây dựng điện, đường, trường, trạm, kiên cố hóa kênh mương thủy lợi, đặc biệt là đường giao thông khu vực trung tâm thị trấn được đầu tư nâng cấp mở rộng, làm cho bộ mặt đô thị của huyện có sự phát triển rõ nét; điện lưới quốc gia phát triển mạnh, tăng từ 38% thôn, tổ dân phố có điện năm 2000 lên 81% năm 2005 và tăng từ 58% số hộ sử dụng điện năm 2000 lên 70% năm 2005. Trong đó hộ đồng bào dân tộc gốc địa phương sử dụng điện đạt tỷ lệ 76,2%.

Thu ngân sách Nhà nước liên tục đạt và vượt kế hoạch, tăng bình quân hàng năm trên 22% so với kế hoạch tỉnh giao và 14% so với nghị quyết HĐND huyện. Hoạt động tín dụng của ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, ngân hàng chính sách xã hội đáp ứng nhu cầu vay vốn sản xuất của các tổ chức và cá nhân đã thực sự có hiệu quả, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tốc

độ dư nợ của ngân hàng nông nghiệp tăng từ 27 tỷ năm 2000 lên 76 tỷ năm 2005. Tốc độ tăng dư nợ của ngân hàng chính sách xã hội năm sau cao hơn năm trước, bình quân 15%/năm.

Thực hiện chương trình, dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, trong 5 năm ngân sách nhà nước đã đầu tư trên 12 tỷ đồng để xây dựng kết cấu hạ tầng, hỗ trợ sản xuất, đời sống, làm nhà ở, nước sinh hoạt, mắc điện nhánh rẽ cho đồng bào dân tộc gốc địa phương; quy hoạch chuyển giao 284 hộ dân tộc gốc địa phương, giao 428 ha đất để bà con phát triển sản xuất, trồng cây công nghiệp chè, cà phê tại khu vực Tôn K'Long; gắn với giao khoán quản lý bảo vệ rừng, đời sống bà con dân tộc gốc địa phương từng bước ổn định, cơ bản không còn hộ đói.

Thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước về đất đai, xây dựng cơ bản, đã làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất, chuyển quyền sử dụng đất và giải quyết các vụ tranh chấp đất đai luôn dứt điểm, kịp thời theo đúng qui định của pháp luật. Tích cực đẩy nhanh tiến độ hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và triển khai cấp quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở theo nghị định 60/CP.

Lĩnh vực văn hóa xã hội có nhiều chuyển biến, tiến bộ

Sự nghiệp giáo dục – đào tạo có bước phát triển. Hệ thống trường lớp được qui hoạch, phát triển hợp lý, cơ sở vật chất trường học được đầu tư xây dựng kiên cố, số phòng học được xây dựng kiên cố cấp 4 trở lên đạt tỷ lệ 80,25%, hiện đã có 2 trường đạt chuẩn quốc gia chiếm tỷ lệ 6,5% / tổng số trường. Công tác xã hội hóa giáo dục đã được các cấp, các ngành quan tâm triển khai thực hiện, có 9/11 xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, 5/11 xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Chất lượng, hiệu quả giáo dục ổn định, tỷ lệ tốt nghiệp bình quân ở tiểu học đạt trên 99%, tốt nghiệp trung học cơ sở từ 85-95%, tốt nghiệp trung học phổ thông trên 70%, tốt nghiệp trung học bổ túc trên 93%. Đã làm tốt công tác huy động học sinh phổ thông tham gia học nghề đạt tỷ lệ 82%, tỷ lệ tốt nghiệp nghề phổ thông đạt 99,3%.

Công tác chăm sóc bảo vệ sức khỏe nhân dân có nhiều tiến bộ. Chú trọng làm tốt công tác phòng chống dịch bệnh và thực hiện các chương trình y tế quốc gia. Cơ sở vật chất, trang thiết bị khám, điều trị tại Trung tâm y tế huyện và tuyến y tế cơ sở được đầu tư. Trình độ chuyên môn của đội ngũ y, bác sĩ được đào tạo nâng cao. Về tổ chức bộ máy quản lý

được củng cố kiện toàn, chất lượng khám, điều trị có nhiều tiến bộ. Hiện 100% thôn, tổ dân phố có nhân viên và cộng tác viên y tế, 8/11 trạm y tế xã, thị trấn có bác sĩ.

Công tác truyền thông dân số - kế hoạch hóa gia đình được thực hiện thường xuyên và đạt kết quả tốt, hạ tỷ lệ tăng dân số tự nhiên từ 1,4% năm 2000 xuống còn 1,2% năm 2005.

Công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em được duy trì có hiệu quả, giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi từ 34% năm 2000 xuống còn 21% năm 2005. Ngoài ra trong 5 năm quỹ bảo trợ trẻ em của huyện đã vận động các tổ chức, cá nhân đóng góp gần 200 triệu đồng trợ giúp cho trên 2000 trẻ mồ côi, tàn tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn có cuộc sống tốt hơn để hòa nhập cộng đồng.

Hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao quần chúng ngày càng phát triển, đa dạng và phong phú, thu hút nhiều tầng lớp nhân dân tham gia. Các hoạt động chiếu phim, triển lãm ảnh, văn nghệ gắn với tuyên truyền lưu động đã làm phong phú thêm đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa từng bước đi vào chiều sâu, đạt được nhiều kết quả tích cực. Đến năm 2004,

toàn huyện đã có 3/103 thôn, tổ dân phố được công nhận khu dân cư văn hóa cấp tỉnh, 7 khu dân cư văn hóa cấp huyện, 52 khu dân cư tiên tiến, 29/85 cơ quan, công sở đạt tiêu chuẩn văn hóa, năm 2005 có 72% số hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa.

Công tác thông tin tuyên truyền phát triển mạnh mẽ. Hoạt động của Đài truyền thanh - truyền hình, Trung tâm văn hóa thể thao có nhiều tiến bộ, nhất là đổi mới về nội dung, hình thức, đã làm tốt công tác tuyên truyền đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Đến năm 2005, tất cả các xã đều có trạm truyền thanh cơ sở và bưu điện văn hóa đáp ứng nhu cầu thông tin của nhân dân và góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo tiếp tục đạt kết quả. Trong 5 năm đã đầu tư 4.134 triệu / 60 dự án, giải quyết cho 1.403 lao động có việc làm. Ngoài ra ngân hàng chính sách xã hội đã đầu tư cho hộ nghèo vay vốn phát triển sản xuất với tổng dư nợ cho vay đạt 16.836 triệu / 3.032 hộ, đã cơ bản đáp ứng nhu cầu của hộ nghèo vay vốn phát triển sản xuất, giải quyết việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống, nhiều hộ đã thoát nghèo, vươn lên khá. Giảm hộ nghèo trong đồng bào dân tộc gốc địa phương từ 36,49% xuống còn 28,94%.

Việc thực hiện khen thưởng thành tích kháng chiến và chi trả chế độ, chính sách cho các đối tượng được quan tâm đúng mức và kịp thời. Quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ vì người nghèo hàng năm được tổ chức vận động có hiệu quả. Công tác chính sách xã hội đang từng bước đi vào chiều sâu và đạt kết quả tốt.

Quốc phòng, an ninh được củng cố, trật tự an toàn xã hội được giữ vững

Công tác giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống tội phạm, bảo đảm trật tự an toàn giao thông đã được ngành chức năng và các ban ngành, đoàn thể phối hợp thực hiện có hiệu quả. Hầu hết các vụ phạm pháp hình sự, tệ nạn xã hội đều được phát hiện, xử lý kịp thời. Các hoạt động tố tụng : bắt giam giữ, điều tra, truy tố, xét xử bảo đảm đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư, tố cáo kịp thời, không có đơn thư tồn đọng kéo dài. Các hoạt động tôn giáo trái phép trên địa bàn đều được phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn.

Nhiệm vụ quân sự - quốc phòng hàng năm được triển khai thực hiện tốt, lực lượng dân quân tự vệ được xây dựng đủ số lượng qui định. Công tác tuyển quân và giao quân hàng năm đều đạt chỉ tiêu kế hoạch. Công tác Đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang được củng cố vững chắc. Hàng

năm triển khai thực hiện tốt công tác giáo dục quốc phòng cho các đối tượng cán bộ và học sinh theo đúng qui định.

Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể đạt được kết quả quan trọng

Các cấp ủy, tổ chức Đảng cơ bản làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ đảng viên và nhân dân, thông qua các lớp nghiên cứu quán triệt, học tập các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước làm cho cán bộ đảng viên và nhân dân ngày càng phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Ngoài ra chú trọng chỉ đạo làm tốt công tác tư tưởng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã làm thất bại âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để kích động, chống phá.

Công tác kiểm điểm tự phê bình, phê bình, đánh giá phân loại chất lượng tổ chức cơ sở Đảng, đảng viên và đánh giá cán bộ hàng năm được các cấp ủy, tổ chức Đảng thực hiện nghiêm túc. Qua đó nhiều tổ chức cơ sở Đảng từ khá đã vươn lên trong sạch vững mạnh, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của cấp ủy, tổ chức Đảng được nâng lên rõ rệt. Số tổ chức cơ sở Đảng đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh hàng năm đạt trên 70%.

Hoàn thành công tác đổi thẻ đảng viên theo tinh thần chỉ thị 29 của Ban Bí thư Trung ương, kết quả toàn Đảng bộ huyện đã tiến hành đổi và phát thẻ cho 1076/1139 đảng viên. Thông qua công tác đổi thẻ đảng viên, chất lượng tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên được củng cố nâng cao.

Trong nhiệm kỳ, Ban Thường vụ Huyện ủy đã tổ chức 2 hội thi Bí thư chi bộ giỏi năm 2001 và năm 2004, đã có tác dụng tích cực giúp cho Bí thư chi bộ và cấp ủy viên cơ sở được giao lưu, học tập, nâng cao kiến thức, năng lực của Bí thư chi bộ và cấp ủy viên cơ sở, có tác dụng tích cực thúc đẩy thực hiện tốt hơn nhiệm vụ chính trị ở cơ sở.

Các cấp ủy, tổ chức Đảng đã làm tốt công tác quản lý, phân công công tác cho đảng viên, tạo nguồn, bồi dưỡng, phát triển Đảng viên mới. Các thôn, tổ dân phố đều có đảng viên, số thôn có chi bộ tăng dần hàng năm. Đến năm 2005 có 64/103 thôn, tổ dân phố có chi bộ, đạt tỷ lệ 62%. Toàn huyện có 45 chi bộ, đảng bộ / 1139 đảng viên.

Công tác kiểm tra được cấp ủy và UBKT từ huyện đến cơ sở thực hiện thường xuyên. Trong nhiệm kỳ Ban Thường vụ Huyện ủy đã tiến hành các cuộc kiểm tra về quản lý đất đai, xây dựng cơ bản, chống lãng phí và thực hành tiết kiệm, kiểm tra việc

thực hiện nghị quyết về công tác dân tộc, kiểm tra vai trò cấp ủy cơ sở trong việc lãnh đạo thực hiện chương trình 135 của Chính phủ đối với các xã đặc biệt khó khăn, kiểm tra việc triển khai thực hiện nghị quyết đại hội Đảng bộ huyện Đa Tẻ lần thứ V và nghị quyết kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng hàng năm của Huyện ủy, thúc đẩy thực hiện nhiệm vụ chính trị chung của toàn Đảng bộ.

Công tác qui hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đang được các cấp ủy, tổ chức Đảng quan tâm triển khai thực hiện theo hướng trẻ hóa đội ngũ cán bộ. Nhiệm kỳ 2001 - 2005 có 134 cán bộ, đảng viên thuộc diện qui hoạch được cử đi đào tạo nâng cao trình độ lý luận chính trị và chuyên môn nghiệp vụ. Ngoài ra Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện đã tổ chức được 227 lớp / 16.190 lượt cán bộ tham gia các lớp học bồi dưỡng, góp phần nâng cao năng lực trình độ cho đội ngũ cán bộ cơ sở, thúc đẩy thực hiện nhiệm vụ có hiệu quả.

Hoạt động của HĐND từ huyện đến xã, thị trấn ngày càng hiệu quả, các kỳ họp đều tập trung xem xét giải quyết các vấn đề cụ thể về kinh tế - xã hội, an ninh trật tự của địa phương; vai trò của đại biểu HĐND trong tiếp xúc cử tri, kiểm tra, giám sát có nhiều chuyển biến tiến bộ.

Hoạt động của chính quyền từ huyện đến cơ sở ngày càng có hiệu lực trong công tác điều hành, chỉ đạo, luôn bám sát nghị quyết của cấp ủy, HĐND cùng cấp và quyết định, chỉ thị của cấp trên để tổ chức thực hiện hoàn thành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng hàng năm, công tác quản lý Nhà nước được thực hiện theo đúng qui định của pháp luật. Việc triển khai thực hiện qui chế dân chủ ở cơ sở và thực hiện cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa bước đầu đạt kết quả.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội từ huyện đến cơ sở được củng cố, kiện toàn về tổ chức, phát triển đoàn viên, hội viên, luôn hướng hoạt động về cơ sở. Nhiều tổ chức đoàn thể ở cơ sở có hoạt động thiết thực, chăm lo đời sống đoàn viên, hội viên, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc đang được phát huy mạnh mẽ, nhiều phong trào quần chúng đạt được kết quả thiết thực. Mối quan hệ giữa nhân dân với Đảng, chính quyền ngày càng gắn bó, niềm tin của nhân dân vào sự nghiệp đổi mới do Đảng lãnh đạo ngày càng được củng cố vững chắc.

Trong 5 năm thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ V, nhiệm kỳ 2001 – 2005, bên cạnh những thành tựu đạt được vẫn còn một số tồn tại yếu kém: